

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Doãn Quốc Sỹ**

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 17.2.1923 tại Hà Đông. Hiện sống tại Houston, Texas.

#### **Tác phẩm**

Sợ Lửa (1956), U Hoài (1957), Gánh Xiếc (1958), Gìn Vàng Giữ Ngọc  
Dòng Sông Định Mệnh (1959), Người Việt Đáng Yêu (1965)  
Cánh Tay Nổi Dài (1966), Sầu Mây (1970), Vào Thiên (1970)  
Khu Rừng Lau (trường thiên tiểu thuyết), Người Vái Tứ Phương



### **Mục Lục**

**Gìn vàng giữ ngọc – 2**  
**Nguyễn Du và đạo Phật – 7**  
**Thâm lặng – Kim Khánh - 19**  
**Chiếc chiếu hoa cạp điều – 23**

#### **Phụ đính:**

**Nhìn lại một thời – Chân dung Doãn Quốc Sỹ - Về Doãn Quốc Sỹ**  
**Không tâm trong thiền học - Doãn Quốc Sỹ, kẻ sĩ thời đại chúng ta**  
**Dạ Lý phu nhân - Doãn Quốc Sỹ một tâm hồn thanh thản...**

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Gìn vàng giữ ngọc



(...) Cuối tháng chạp năm 1945 gia đình tôi và gia đình Huân cùng tản cư một ngày nhưng về hai ngã khác nhau: Huân đưa vợ con về quê mẹ ở Ninh Bình, tôi theo thầy mẹ tôi lên Bồ Hạ (Bắc Giang). Tới ở Bồ Hạ tôi vào công tác ngay ở sở Thông Tin Khu 12, sau sát nhập vào Liên khu I. Rồi thầy mẹ tôi cùng toàn thể gia đình rời đi Vĩnh Yên chỉ còn một mình tôi ở lại Bắc Giang để tiếp tục công tác tại chỗ cũ.

Bốn tháng sau tôi nhận được thư nhà báo tin gia đình một lần nữa chuyển đến làng N.H. ngay bên kia hữu ngạn sông Đáy, gần chân dãy núi Tam Đảo. Tôi biết, như vậy vốn liếng gia đình lại một phen hao hụt để sa sút thêm. Những cũng trong thư đó tôi được cô em gái cho hay là gia đình Huân đã bỏ Ninh Bình chuyển đến một làng nào đó, gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên. Tôi vừa nhẩm ôn đoạn thư vừa nghĩ thầm: "một làng nào đó, ở gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên" địa chỉ tuy mơ hồ thật nhưng mình quyết tìm cho ra.

Tôi viết thư cho một ông cùng làng tản cư ở Phù Lỗ và thường buôn bán hàng ngoại hóa trên con đường Phúc Yên - Sơn Tây, để nhờ ông chú ý tìm giúp gia đình Huân. Ba tháng sau tôi nhận được hồi âm của ông bảo rõ cho hay thực may mắn chỗ ở Huân: đó là một thôn nhỏ ngay gần chợ Sặt và ở về phía tay phải con đường mòn từ chợ đi huyện Yên Lãng. Vừa đúng dịp tôi xin thôi tại sở những mong sẽ công tác ở ty Thông Tin Vĩnh Yên cho được gần gia đình. Tôi có xin về thẳng thăm nhà đã, rồi nửa tháng sau nếu thuận tiện sẽ đến nhận công tác tại cơ quan mới. Hành trình của tôi được phân chia rất hợp lý. Từ Đa Phúc tôi sẽ đi đến Phố Nỉ bên kia sông Cầu, đường dài mười hai cây số.

Từ Phố Nỉ tôi sẽ vượt qua Kẽm, Dõm để gặp con đường nhựa nối liền Phúc Yên - Vĩnh Yên, quãng đường này cũng khoảng mười hai cây số. Tôi sẽ theo đường nhựa mấy cây số rồi, rẽ vào con đường đất lớn đi đến chợ Sặt. Đến chợ Sặt rồi, thì thôn nhỏ gia đình Huân ở, tôi đã "cầm lòng" trong tay. Đường đi tính ngót bốn mươi cây số; có bờ ngõ lấm trong việc hỏi thăm thì cũng chỉ vừa chập tối là cùng, tôi đã nằm trên giường của Huân đợi một mâm cơm nóng sốt, thơm tắt. Sau khi đã kể cho nhau nghe hết mọi chuyện tản cư, tôi ngồi uống rượu với Huân. Tôi biết làm gì mà Huân chẳng mua được rượu ngang, chỉ cần một chút thôi. Tửu lượng của tôi và Huân cùng kém cả mà, nhưng chúng tôi sẽ khề khà uống thật lâu cho thực hết tác phong các bậc tửu đồ ngày xưa.

Chà! như vậy cho bỏ một ngày bải căng vượt ngót bốn mươi cây số. Ngày hôm sau tôi có thể

hoặc đi từ sớm, hoặc ở lại ăn Huân cũng nên, rồi mới lên đường vì quãng hành trình còn lại chỉ chừng ba mươi hay ba mươi một cây là cùng. Vừa đi vừa hình dung trước cảnh hội ngộ đó mà tôi thấy hồi dạ, tưởng có thể đi hết ngày mà không biết mỗi chân. Ấy tinh thần tuy có phấn khởi, thêm trí tưởng khéo thêm dẹt, nhưng thực tế vẫn giữ được cái uy tín cuối cùng của thực tế. Kể từ sau lúc mặt trời đứng bóng tôi đã thấy hai đầu gối mỏi và hai bắp chân tưng tức. Tôi tìm một quán nước nghỉ chân, mua kẹo vừng và dờ nắm cơm nếp ra ăn trưa. Cũng do việc toan tính trước, tôi thổi cơm nếp thật nát để nửa nắm còn lại có thể sang trưa ngày hôm sau ăn còn dẻo.

Lúc mặt trời chéch bóng bước đi thêm lệt bệt, đầu gối đau, bắp chân và đùi tôi thấy nặng ngang nhau; tới lúc mặt trời xế bóng thì hai bên thái dương tôi bưng bưng, trước mắt tôi đổ những hoa cà hoa cải tựa hồ trong đầu có ai đốt một cây bông tí hon và những hoa ánh sáng tóe ra từ hai con mắt. Tôi có cảm tưởng phần thân thể từ háng trở xuống là mình mượn của ai lấp vào. Tôi bước lảo đảo, hình như đi được là nhờ sức gió thổi xuôi nhiều hơn là nhờ ý chí và sức lực của chính mình. Đến năm cây số cuối cùng thì tôi phải lượm một cái gậy bên vệ đường để chống và cứ đi được một cây số lại ngồi phệt xuống bên lề cỏ để nắn, bóp, chà sát suốt từ đùi đến bắp chân. Mặt trời vừa khuất bóng thì tôi vào đến con đường hẻm do người trong thôn chỉ để tới nhà Huân tản cư. Và cũng đến lúc đó thực tế mới tạm lùi bước nhường sức mạnh của niềm vui tinh thần một chút: tôi ưỡn ngực nhìn thẳng, bước chững chạc.

Cảnh vợ chồng Huân cùng đàn con khi nhận ra tôi thật đúng với câu Kiều "Nỗi mừng biết lấy chi cân" hay để cho vui nếu cân được thì cũng đến nặng bằng bộ giò của tôi lúc đó là cùng. Tôi thờ phào sung sướng quẳng ba-lô vào tay Huân, ngồi bệt xuống cái chõng tre ở giữa sân rồi tức khắc nằm xuống ngửa mặt nhìn mấy con diều hâu đương lượn lờ mãi trên cao vút trông chỉ còn nhỏ như mấy con dơi. Lúc bấy giờ tôi mới ôn lại những hình ảnh vừa nhìn và xét rằng vợ chồng Huân cùng các cháu tôi đều gầy và đen đi nhiều. Có tiếng chõng kê ngay góc gần đấy rồi tiếng Nhàn, vợ Huân:

-- Anh Sơn ra năm đây, chõng ấy để giả ông chủ.

Tôi ngồi nhồm dậy, mấy sợi tóc dài bị nan chõng cắt đứt mất. Kể ra cũng khá đau nhưng cái mệt lẫn mất cái đau, hơn nữa tôi muốn đổi chõng thật nhanh để tiếp tục cho các bắp thịt nghỉ. Ông chủ ở trong nhà vừa ra tôi chỉ kịp cúi chào thật lễ phép và nói một câu xã giao thật ngắn rồi nằm ềnh ngay sang chõng bên. Khi lưng và đầu áp xuống rồi, xúc giác mới báo cho tôi biết là cái chõng này hẹp hơn, ngắn hơn và nan thưa hơn cái chõng kia.

Tiếng Huân hỏi:

-- Anh Sơn mệt lắm hả?

Tôi chặc lưỡi:

-- Gọi là thôi!

-- Anh đi bao nhiêu cây số đến đây?

Nhận thấy nói thật thì không tiện và nói dối thì không nỡ, tôi vờ như không nghe thấy. May sao Huân nói sang câu khác:

-- Tôi bảo thổi cơm thêm xuất anh đấy nhé.

Tôi đáp gọn:

-- À, cố nhiên! Các cậu ăn cơm tối nhỉ, tưởng mình đến giờ này thì các cậu đã ăn xong tám hoành và phải đi thổi riêng cho mình niều khác.

Rồi vui câu chuyện tôi nói tiếp:

-- Nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui.

Huân đáp ngay, nhưng giọng nghe ra hơi ngượng ngập:

-- Ô, thịt gà... vắng có chứ!

Nằm ruỗi đã được một phút hưởng gió mát buổi chiều phe phẩy, tôi lấy lại sức nhiều do đây có sự "phản tỉnh" ngay để nghĩ thầm:

-- Bỏ sừ, nói vậy ngộ nhà Huân không nuôi gà, phải đi lũng quanh xóm thì mình cũng hơi khi.

Tôi vừa toan hỏi lại Huân xem nhà có gà thực không thì Huân đã đứng dậy đi vào nhà. Không hiểu Huân nói gì, chỉ biết sau đó con cháu lớn Thu Hương tắt tời đi ra ngõ. Khi Huân tới bên, tôi cũng vừa vỗ lên túi con áo sơ-mi để sực nhớ ra rằng mình có một điếu Cotab của bạn cho mà chưa hút. Vừa rút điếu thuốc ra khỏi túi, tiếng Huân reo vui:

-- À thuốc lá!

Tôi nhớ ngay Huân vốn nghiện nặng thuốc lá thơm nên lanh trí đáp liền:

-- Gặp một thằng bạn giữa đường cho đây, tôi vốn dưng dưng thuốc lá nên để dành cho cậu.

Tôi vẫn nằm ngửa trên chõng, ruỗi thẳng chân cho máu chảy đều và khẽ đưa mắt để khuôn mặt Huân lọt vào trong nhãn giới; vì lần này trông nghiêng nên khuôn mặt Huân có những nét gầy hốc hác, mà lúc này có lẽ vì trông thẳng, có lẽ cả vì chân mỗi mắt hoa nữa nên tôi không nhận thấy. Châm xong điếu thuốc lá, môi Huân dẩu ra để hít lấy khói thuốc, mấy sợi râu mép và râu cằm được dịp nổi bật lên trong ánh chiều bâng khuâng khiến khuôn mặt Huân càng đượm một vẻ xanh xao sầu thảm. Tôi đặt thăm nghi vấn: Hay là ngày nay Huân cũng hoàn toàn khánh tận, và gia đình Huân cũng hoàn toàn sống kiểu độ nhật như gia đình tôi hiện giờ bên bờ sông Đá, dưới chân Tam Đảo?

Huân không biết là đương bị tôi ngắm, vừa hút thuốc lá vừa tuẩn tởn hỏi kỹ về mọi chi tiết tản cư của gia đình tôi. Tôi vẫn đáp lời và vẫn tiếp tục quan sát. Cách Huân hút thuốc quả là cách hút của một người nghèo đã lâu lắm nay mới được một điếu.

Tôi hốt hoảng ôn lại một lần nữa lời vừa nói khi nãy: "nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui" và tự thấy mình vô duyên biết mấy.

Đến lượt tôi hỏi lục vấn về cách chạy loạn của gia đình Huân. Tôi được biết hồi còn ở Ninh Bình vợ chồng Huân buôn bán khá. Sau vụ quân Pháp nhảy dù ở Đồng Quan, vợ chồng Huân sợ chúng sẽ tấn công toàn thể Liên khu Tư bèn mang cả con cái theo đường Hòa Bình Vụ Bản đường số 6 rồi vượt sông Hồng sang Vĩnh Yên. Bị bom *napalm* thiêu chụi hết đồ đạc, một lần nữa Huân chuyển gia đình xuống Phúc Yên, ở đây.

Hỏi về cách sinh sống hiện tại thì Huân cho biết Nhàn cùng đưa con gái lớn lên mười hai Thu Hương vẫn sớm gánh đôi bồ hàng sến ra chợ Sắt bán, chiều gánh về. Tôi hỏi thêm:

-- Thế hàng sến của Nhàn có những thứ gì?

Huân trả lời hoàn toàn ngoài đề:

-- Đường từ chợ Sắt về đây ngắn, nên việc sớm gánh đi tối gánh về không có gì là vất vả lắm.

Thấy tôi ngồi dậy, Huân cười hỏi, tôi biết để lảng câu chuyện:

-- Anh khỏi mệt rồi chứ?

Tôi gật đầu và đáp với giọng cố làm cho trong sáng để chứng tỏ tôi không có gì thắc mắc:

-- Khỏi mệt rồi! Cậu ở đây rộng và thoáng thật đấy.

Sự thực tôi ngồi nhòm dậy vì thấy Nhân đương vo gạo ở đằng góc bể. Cứ trông cái giá vo và cách xóc gạo tôi cũng thấy rõ ràng nồi cơm sắp thổi không thể là nồi cơm đủ cho ba người lớn và ba đứa trẻ. Hai đứa cháu nhỏ của tôi một trai, một gái quãng tuổi lên năm và lên bảy, cùng gầy gò và xanh xao như nhau lúc đó vẫn quần lầy bên Nhân.

Cũng cảnh đó, một năm trước đây, đã diễn ra trong gia đình tôi, hồi chúng tôi còn ở Bồ Hạ, Bắc Giang. Tôi còn nhớ hôm đó ông bác tôi từ Bến Tuần Lục Liễu sang chơi. Nguyên nửa tháng trước đây, thầy tôi và tôi có tới Lục Liễu thăm người, được người thết cơm rượu thịt gà, trịnh trọng lắm. Lần này lẽ cố nhiên thầy tôi cũng phải nghĩ cách giả nợ, mặc dầu nhà đương rất nghèo túng. Dưới chuồng còn một con gà mái đẻ: phải làm thịt. Trong thúng còn hai đấu gạo định để thổi độn ngô, nay bỏ ngô để thổi cơm trắng. Bữa rượu thết hôm đó ngồi tiếp bác, có thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai.

Để đáp câu nói của bác: "Thím Hai vào ăn một thể cho vui" mẹ tôi cười ròn và rất tự nhiên:  
-- Mời bác sơ rượu với thầy cháu, em phải trông cho mấy cháu bé ăn ở dưới này.

Kỳ thực các em bé tôi có gì mà ăn!

Khi bác tôi ra về, cơm thừa trong nồi còn chừng hai bát. Lẽ cố nhiên là thầy tôi, tôi và thằng em thứ hai đã phải hết sức ăn cầm chừng mới được vậy. Mẹ tôi đơm một bát cho thằng em út và bát kia cho đứa em gái thứ tư của tôi, năm đó lên tám. Mẹ tôi ăn chấy. Đứa em gái lên tám của tôi đỡ bát cơm rồi cúi mặt xuống khóc lặng lẽ. Nó biết là cảnh nhà bần bách quá rồi. Mẹ tôi thấy vậy thì vỗ vai nó rồi vừa cười vừa khóc, cả nụ cười với hai dòng nước mắt cùng chân thành như nhau, hẳn các bạn thừa hiểu vì sao. Tôi cũng vội quay đi để kịp dấu hai giọt nước mắt nóng hổi vừa tràn khỏi bờ mi.

Ngồi nói chuyện hàn huyên với Huân, tôi giữ bề ngoài bình thản nhưng bên trong, lòng tràn ứ kỷ niệm chua chát.

Lẽ nào ngày nay tôi để Nhân và các cháu tôi tái diễn phần dưới tán bi kịch năm xưa?

Tôi thoáng thấy cháu Hương hai tay áp vào ngực đi quanh tường đất thấp nhà hàng xóm để có thể vượt tường vào thẳng trong bếp. Nhưng khi cháu Hương vừa nhảy xuống thì tự hai bàn tay bé nhỏ của nó tuột ra cái mề gà sống có một quãng lòng ngắn dính ở đầu. Tôi vờ ngẩng nhìn ngọn tre lắc lư trong gió chiều như thể mình không biết gì.

Huân bảo vợ:

-- Em làm thức nhắm trước rồi thổi cơm sau.

Nhân đáp "vâng" rồi cười giọng cười ròn tan y như tiếng cười của mẹ tôi ngày nào, hay nói cho đúng, đó là tiếng cười đặc biệt của bất cứ người đàn bà Việt Nam nào trong những cảnh nhường nhịn kín đáo. Tiếng cười tôi nghe mà xót xa, mà tự nhiên có ý nghĩ ngộ nghĩnh: giả sử sau này có quyền hành, nhất định ở mỗi công trường chính của mỗi thành phố tôi sẽ cho dựng tượng bán thân một người đàn bà Việt Nam để tượng trưng cho tình mẫu tử, đức hy sinh đáng được kính mến vào bậc nhất thế giới của dân tộc nhà.

Vừa kịp có một ý định, tôi thấy cần phải hành động nhanh chóng, bèn đứng dậy đùng đình ra ngõ. Huân hỏi:

-- Anh đi đâu đó?

-- À, tôi đáp, đi xem qua phong cảnh thôn này một chút.

Rồi tiến ra đầu thôn trên con đường dẫn tới chợ.

Ánh chiều vừa tắt, vầng trăng rằm tròn vành vạnh lên ngôi, óng ánh như tình cảm một người con gái đến tuổi vừa biết rằng mình đẹp. Nhìn trăng tôi càng thấy vững tâm trên quãng đường trường mà tôi sắp phải đi nốt.

Đợi mười lăm phút qua, tôi quay về làm giáng hốt hoảng bảo Huân:

-- Hồng rồi cậu Huân ạ! Như lúc nãy tôi nói là sau nửa tháng nghỉ phép để sống với gia đình, rất có thể tôi sẽ trở lại làm việc trong ty Thông Tin Vĩnh Yên. Tôi vừa gặp ông trưởng ty ngoài chợ, ông ta nhất định kéo mình đi dự hội nghị thông tin liên ty Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên - Phúc Yên) ngay bây giờ.

Huân rầy rầy người, chỉ mâm thức ăn úp lồng bàn trên chõng:

-- Sao, ngay bây giờ là thế nào?

Nhàn nghe rõ câu chuyện cũng nhô ra khỏi bếp, tay cầm đôi đũa xào nấu, rồi nói:

-- Ăn cơm đã anh ạ, em đương làm món cánh gà xào chua ngọt mà anh thích.

Tôi tiếp tục buộc lại ba-lô và đáp:

-- Thôi được chẳng lần này thì lần khác, cô nên nhớ từ nay tôi công tác ngay tỉnh bên chứ có đâu xa xôi như trước.

Huân mở lồng bàn cho tôi thấy đĩa miến xào mè gà còn bốc khói và đĩa thịt gà luộc tuy không được đầy đặn nhưng cũng khá thơm, rồi bảo tôi:

-- Đã thế anh hãy ngồi đây, chúng ta nâng chén luôn, cơm mang lên sau là vừa.

Tiếng Nhàn họa theo lập tức:

-- Phải đấy.

Óc tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm ăn giỗ năm đói (...) và cương quyết khoác ba-lô lên vai:

-- Ô hay -- (tôi vừa cười vừa nói, tiếng cười, lạ thế, cũng trong và ròn như tiếng cười của mẹ tôi năm xưa, và tiếng cười của Nhàn khi nãy) -- các cậu làm như thể tôi là khách không bằng.

Vừa lúc đó thằng bé cháu út ngã và khóc. Dịp may hiếm có, tôi bảo Huân:

-- Kìa cậu đỡ cháu ngay đi. Thôi tôi đi, cậu đừng phải tiễn.

Nhàn nhô ra khỏi bếp:

-- Khổ, sao anh vội thế? Đâu phải là khách, nhưng anh em đã lâu quá mới gặp nhau.

Tôi giơ tay chào đùa kiêu quân sự:

-- Ôi chà, chuyến này còn nhiều dịp gặp nhau lo gì. A-lê! me-xừ Huân ra đỡ cháu đi kìa. Thôi nhé chào cả nhà.

Vợ chồng Huân buồn thiu không chào lại được tôi, trong khi tiếng hai con cháu lớn lanh lảnh:

-- Lạy bác ạ... Lạy bác ạ...

Tôi mỉm cười nhìn chúng một lần nữa, đứa nào cũng gầy và đen. Chúng vẫn còn giữ được lối chào kiêu cách Hà Nội hồi chưa tác chiến.

Tôi vội vã ra khỏi xóm, sợ Huân theo tiễn.

Ra tới đầu làng, nhìn bóng mình in dưới chân, tôi mới biết là chiều đã thật hết, trăng bắt đầu tỏ (...)

## Nguyễn Du và đạo Phật

Mới đến Nguyễn Du là nói đến Truyện Kiều trước hết và dĩ nhiên chúng ta cũng không quên bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của người nữ. Vậy tốt hơn hết chúng ta hãy “Cảo thơm lần giở trước đèn” để xem đạo Phật đã thể hiện ra sao qua nội dung truyện Kiều. Chúng ta hãy ôn lại Truyện Kiều từ đầu tới cuối  
Vào dịp: ...

*Thanh minh trong tiết tháng ba  
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh*

Kiều đã cùng hai em là Vương Quan và Thúy Vân đi chơi xuân, gia nhập vào cảnh:

*Dập dìu tài tử giai nhân  
Ngựa xe như nước áo quần như nêm*

Và Kiều đã chứng kiến cảnh nắm mồ hương khói vắng tanh của nàng Đạm Tiên, một ca nhi tài sắc một thời. Và nàng Kiều đã nói:

*Đã không kè đoái người hoài  
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương*

Rồi đối cảnh sinh tình:

*Rút trâm sẵn giắt mái đầu  
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn*

Và Đạm Tiên đã hiển linh để tạ lòng người tri kỷ khiến Kiều càng xúc động:

*Lòng thơ lai láng bồi hồi  
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.*

Kể đó là cuộc gặp gỡ Kim Trọng (bạn của Vương Quan) lần đầu tiên:

*Chàng Vương quen mặt ra chào  
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa*

Tuy nhiên với Kiều thì tình ý có tế nhị hơn:

*Người quốc sắc kẻ thiên tài  
Tình trong như đã mặt ngoài còn e*

Đêm đó Kiều mơ thấy Đạm Tiên tới báo cho Kiều hay là:

*Một mình lưỡng lự canh chầy  
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh*

Vương bà chợt thức giấc hỏi Thúy Kiều vì sao trần trọc khóc thầm trong lúc canh khuya như vậy, và Thúy Kiều đã thành thực thưa với mẹ về việc Đạm Tiên báo mộng cho biết số kiếp đoạn trường sau này của cuộc đời nàng. Và Vương Bà đã nói với con:

*Dạy rằng “Mộng huyền chắc đâu  
Bồng không mua nãi chúc sáu nghĩ nao!*

Trở lại với chàng Kim thì lòng chàng cũng

*Mành tương phân phát gió đàn  
Hương gầy mùi nhớ trà khan giọng tình  
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người  
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi.*

Nhưng mấy lần tới trước cổng nhà Kiều thì:

*Thâm nghiêm kín cổng cao tường  
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh*

Kim Trọng bèn thuê căn nhà của một thương gia ngay sát bên nhà Kiều:

*Lấy điều du học hỏi Thuê  
Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang*

Nhưng đã hai tuần trăng qua mà chàng Kim vẫn chưa có dịp được thấy mặt nàng Kiều. Cho đến một hôm:

*Cách tường phải buổi êm trời  
Dưới đào đường có bóng người thướt tha  
Buông cầm xóc áo vội ra  
Hương còn thơm nức người đà vắng tanh  
Lần theo tường gấm dạo quanh  
Trên đào nhác thấy một cành kim thoa*

Kim Trọng đã vội lấy cành kim thoa chờ lúc Thúy Kiều từ trong nhà trở ra tìm mới lên tiếng:

*Thoa này bắt được như không  
Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về*

Và vào dịp Thúy Kiều xin lại cành kim thoa, Kim Trọng mới có dịp bày tỏ nỗi lòng tương tư của chàng và xin được hứa hôn cùng nàng. Thúy Kiều đã đáp lời chàng:

*Dù khi lá thắm chỉ hồng  
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha*

Tuy nhiên chàng Kim đã nhân dịp đó mà cùng nàng Kiều:

*Sẵn tay khăn gấm quạt qùy  
Với cành thoa ấy tức thì đôi trao*



Sau đó nhân ngày sinh nhật ngoại gia, cả nhà đi dự duy có nàng Kiều ở nhà một mình mới có dịp

*Cánh hoa sẽ đặng tiếng vàng  
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông*

Và Thúy Kiều đã gặp Kim Trọng ngay tại căn phòng thuê của chàng, ngắm bức họa mới vẽ của chàng, và theo lời đề nghị của chàng, Kiều đã:

*Tay tiên gió tấp mưa xa  
Khoảng trên dưng bút thảo và bốn câu*

Câu chuyện cứ tiếp diễn như vậy, Kiều đã có lần đánh đàn cho Kim Trọng nghe. Lần đó Kim Trọng đã:

*Xem trong âu yếm có chiều lả lơi*

Và Kiều đã phải cảnh giác chàng:

*Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi  
Để cho thưa hết một lời đã nao*

..

*Ra tuồng trên Bộc trong dẫu  
Thì con người ấy ai cầu làm chi*

Rồi sau đó Kim Trọng phải về quê Liêu Dương thọ tang chú Vương Ngoại bị vu oan, Thúy Kiều lâm cảnh bán mình chuộc tội cho cha Thế là bắt đầu 15 năm lưu lạc của nàng, bán mình cho Mã Giám Sinh tay sai của mẹ Tú Bà. Đi một tháng tròn mới tới Lâm Truy Kiều đã dùng dao tử vẫn trước Tú Bà. Trong cơn ngất bần bật này, Kiều đã gặp lại Đạm Tiên và được nàng cho hay:

Rỉ Ràng:

*“Nhân quả dở dang  
Đã toan trả nợ đoạn trường được sao  
Số còn nặng nghiệp má đào  
Nàng dù muốn quyết trời nào đã cho  
Hãy xin hết kiếp liễu bồ  
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau.”*

Tới đây chúng ta mới thấy Nguyễn Du đề cập tới nhân quả của nhà Phật, nghiệp của Nhà Phật.

Trước ý chí cương quyết của Kiều, Tú Bà nhượng bộ, và Kiều được ra ở lầu Ngưng Bích. Tại đây Sở Khanh xuất hiện nói là sẽ ra tay tế độ cứu nàng. Nhưng khi Kiều đã ưng theo lời Sở Khanh thì Sở Khanh lẫn trốn và Tú Bà đã bắt Kiều trở lại lầu xanh tại Lâm Truy. Nơi đây Kiều gặp được Thúc Sinh - đã có vợ Cả là Hoạn Thư - ra tay tế độ cứu nàng ra khỏi chốn lầu xanh. Cha mẹ Thúc Sinh nổi giận đòi trả lại Kiều về chốn lầu xanh. Nhưng qua lời thú thực của Thúc Sinh, phủ Quan được biết Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn, có tài làm thơ. Phủ Quan ra lệnh Kiều đề thơ và khi xem bài thơ của Kiều phủ Quan đã phải thốt lên:

*Khen rằng giá đáng thịn đường  
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân*

Và Thúc Ông cũng đổi thái độ mà:

*Thương vì hạnh trọng vì tài  
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba*

Suốt một năm rông hương lửa, Kiều khuyên Thúc Sinh nên về thăm vợ cả Hoạn Thư:

*Xin chàng kíp liệu lại nhà  
Trước người đẹp ý sau ta biết tình*

Nhưng Thúc Sinh đã không làm theo lời khuyên của nàng. Vì nghĩ rằng

*“Nào ai có khảo mà mình lại xưng”*

Sau khi đã xum họp vợ Chồng với Hoạn Thư, đã tới thời Thúc Sinh trở lại Lâm Truy gặp lại Kiều Thúc Sinh đi theo đường bộ, Hoạn Thư sai gia nhân đi đường biển gần hơn tới Lâm Truy trước đó để bắt Kiều về. Trong khi đó với Kiều thì:

*Đêm thu gió lọt song đào  
Nửa vầng trăng khuyết ba sao trên trời  
Nén hương đến trước Phật đài  
Nổi lòng khát chữa cạn lời vân vân  
Dưới hoa dậu lữ ác nhân  
Ầm ầm khóc quỷ Kinh thân mọc ra*

Kiều bị tưới thuốc mê mang đi, và để khiến mọi người sau đây tưởng lầm là Kiều đã chết bèn bày bàn thờ:

*Sẵn thây vô chủ bên sông  
Đem vào để đó lộn sông ai hay*

Quả Nhiên khi đám gia nhân của Thúc Ông tới dập tắt lửa cháy thì:

*Chạy vào chốn cũ phòng hương  
Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn*

Thì ngay tình tin là Kiều đã chết cháy Thúc Ông bèn cho thu lượm gom lại, khâm liệm làm tang lễ. Thúc Sinh cũng vừa về tới và dĩ nhiên cũng tin là Kiều đã chết cháy. Nhưng gần miếu có một Thầy “Cao tay thông huyền” Thúc Sinh bèn tìm đến hỏi thì được Thầy cho biết: Kiều “Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho”. Hãy đợi một năm nữa thì sẽ biết tin! Và chính vào dịp này Thúc Sinh sẽ lâm vào tình trạng trớ trêu:

*Hai bên giáp mặt thiên thiên  
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay*

Thúc Sinh không tin lời ông Thầy và nghĩ rằng:

*Chẳng qua đồng cốt quàng xiên  
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần*

Trong khi đó Khuyển Ưng đã khiêng Kiều xuống thuyền và:

*Buồm cao lèo thẳng cánh suyền  
Dè chừng huyện tích bằng mình vượt sang*

Kiều bị đánh đòn rồi bị chuyển thành thị tì với tên là Hoa Nô. Bà quản gia thương Kiều, Hoạn Thư vào dịp nghe Kiều đàn cũng cảm thương mà nói tay. Thế là Kiều không được dịp gặp Thúc Sinh ở Lâm Truy. Thúc Sinh đành rời Lâm Truy trở về gia hương. Hoạn Thư đón mừng sai Kiều ra chào Thúc Sinh biết mình đã mắc mưu ai rồi. Vị trí Kiều với Thúc Sinh nay đã biến đổi thành con ở và chủ nhà. Và khi Kiều bị Hoạn Thư bắt gậy đàn thì Hoạn Thư và Thúc Sinh ở hai tâm cảnh khác nhau:

*Cũng trong một tiếng tơ đồng  
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.*

Sau đó Hoạn Thư người ngoài cơn ghen và theo lời Thúc Sinh cho Kiều tu tại Quan Âm Các ở ngay vườn nhà với pháp danh Trạc Tuyền:

*Áo xanh đổi lấy Cà Sa  
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền*

Nhân dịp Hoạn Thư về nhà vấn an cha mẹ, Thúc Sinh vội tìm gặp Kiều, khuyên Kiều hãy nên cao chạy xa bay:

*Liệu mà cao chạy xa bay  
Ái ân ta có ngân này mà thôi  
Bây giờ kẻ ngược người xuôi  
Biết bao giờ lại nối lời nước non  
Dẫu rằng sông cạn đá mòn  
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ*

Vừa lúc đó Hoạn Thư xuất hiện, nói là:

Tim hoa quá bước xem người viết kinh  
Nhưng sau đó hỏi hoa tì Kiều được hoa tì cho hay:

*Hoa rằng bà đến đã lâu  
Nhón chân đứng nép độ đầu nửa giờ*

Do đó Kiều hốt hoảng tự nhủ thầm:

*Thân ta ta phải lo âu  
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này*

Và Kiều đã trốn khỏi Quan Âm Các vào khoảng canh ba mang theo chuông vàng khánh bạc để phòng thân. Đi miệt vừa rạng sáng thì:

*Chùa đầu trông thấy nẻo xa  
Rành rành Chiêu Ân Am ba chữ bài*

Tại đây Kiều đã gặp Sư Trưởng Giác Duyên nói thác là:

*Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh  
Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu  
Bản sư rồi cũng đến sau  
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh  
Rây vâng diện hiến rành rành  
Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra*

Trong thời gian được lưu trú lại chùa Kiều đã:

*Kệ kinh câu cũ thuộc lòng  
Hương đèn việc trước trai phòng quen tay  
Sớm khuya lá bối phiến mây  
Ngọn đèn khuê nguyệt tiếng chày nện sương  
Thấy nàng thông tuệ khác thường  
Sư càng nể mặt nàng càng vững chân*

Chẳng may có người tới thăm chùa nói với sư trưởng “chuông vàng khánh bạc sao giống loại chuông vàng khánh bạc đã mất cắp tại chùa nhà Hoạn Thư. Chờ đêm thanh vắng Giác Duyên hỏi Kiều, Kiều thực tình thưa lại sự tình. Giác Duyên khuyên Kiều hãy sang ở tạm nhà Bạc Bà một Phật tử thường hay lui tới chùa này.

*“Ai ngờ Bạc Bà cùng với Tú Bà đồng môn”.*

Bạc Bà khuyên Kiều hãy lấy cháu mình là Bạc Hạnh tính tình thực thà, có cửa hàng buôn bán ở Châu Thai, 2 người lấy nhau rồi sẽ trở về Châu Thai. Ngay phút đầu gặp mặt Kiều đã sinh nghi:

*Thiếp như con én lạc đàn  
Phải cung rây đã sợ làm cây cong*

Quả thực sau này vỡ lẽ: Bạc Hạnh cũng là người buôn người và y đã bán Kiều vào lầu xanh. May thay lần này Kiều gặp được Từ Hải và được Từ Hải chuộc ra khỏi lầu xanh để:

*Trai anh hùng gặp gái thuyền quyền  
Phỉ Nguyễn sánh phượng đẹp duyên cưỡi rồng*

Nhưng:

*Nửa năm hương lửa đương nồng  
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương*

Thế là Từ Hải lại ra đi mong sớm thực hiện chí lớn. Ở lại một mình Kiều nhớ nhà, nhớ các em, nhớ chàng Kim. Từ Hải đã thành công. Binh tướng của Từ Hải tới đón Kiều để làm lễ vu quy. Đây là dịp để Kiều trả ân báo oán. Trước hết Kiều báo ân Thúc Sinh, Giác Duyên...sau đó báo oán: Bạc Hạnh, Bạc Bà, Sở Khanh, Khuyển, Ưng, Tú Bà, Mã Giám Sinh. Giác Duyên vì trước đó đã được gặp sư Tam Hợp có tài tiên tri nên khi từ biệt Thúy Kiều đã khẳng định với Kiều là trong 5 năm nữa sẽ lại gặp nhau. Hồ Tôn Hiến thuyết Từ Hải hãy quy hàng triều đình để được hưởng công danh phú quý. Từ Hải không muốn hàng, nhưng Kiều nhẹ dạ cả tin cố thuyết phục Từ Hải. Vì nghe theo Kiều, Từ Hải

đã mắc mưu Hồ Tôn Hiến. Từ Hải chết đứng vì uất ức. Kiều gắng xin Hồ Tôn Hiến một mảnh đất để chôn Từ Hải:

*Xin cho tiện thổ một đời  
Gọi là đắp điểm lầy người tử sinh*

Tối hôm đó vào lúc tiệc mừng chiến thắng Hồ Tôn Hiến đã ép Kiều phải vào đánh đàn:

*Trong quân mở tiệc hạ công  
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan  
Bắt nàng thị yến dưới màn  
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu  
Một cung gió thảm mưa sầu  
Bốn dây nhỏ Máu năm đầu ngón tay  
Ve ngâm vượn hót nào hay  
Lọt tai Hồ cũng nhận mây rơi châu*

Và Hồ hỏi Kiều có muốn làm lại cuộc đời kết duyên cảm sắc với ai không? Kiều đã trả lời:

*Thưa rằng: chút phận lạc loài  
Trong mình nghĩ đã có người thác oan  
Còn chi nữa cánh hoa tàn  
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lâm  
Rộng thương còn mảnh hồng quần  
Hơi tàn đuoốc thấy gốc phận là may*

Đến lúc rạng ngày Hồ Công hỏi hận việc ép Kiều đánh đàn cho mình nghe hôm trước:

*Nghĩ mình phương diện quốc gia  
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào  
Bèn gán ép Kiều cho một người thổ quan:  
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền*

Và:

*Triều đầu nổi tiếng ùng ùng  
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền Đường*

Kiều sực nhớ lại lời Đạm Tiên xưa đã nói với mình trong mộng:  
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau

*Thế là Kiều quyết định ngay:  
Thôi thì 1 thác cho rồi  
Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông  
Trông vơi non nước mệnh mông  
Đem mình gieo xuống giữa dòng Trường Giang  
Thổ quan theo vớt vội vàng  
Thì đà đắm ngọc chìm hương mất rồi*

Trở lại với Giác Duyên, từ thuở già biệt Kiều để tiếp tục trên đường vân du, Sư bà đã có dịp gặp Tam Hợp đạo cô bèn hỏi Đạo cô về trường hợp của Kiều:

*Người sao hiếu nghĩa đủ đường  
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi*

Sư bà được đạo cô cho hay là:

*Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan  
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành  
Lại mang lấy một chữ tình  
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong*

Khi thầy Giác Duyên nghe nói rưng rùi đạo cô bèn trấn an ngay:

*Sư rằng song chẳng hề chi  
Nghệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều  
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều  
Mắc điều tình ái khỏi đường tà dâm  
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm  
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời  
Hại một người cứu muôn người  
Biết đường khinh trọng biết lời phải chằng  
Thừa công đức ấy ai bằng  
Túc khiên đã rửa lông lông sạch rồi*

Như vậy là Kiều đã “đức năng thắng số”. Đạo cô khuyên:

*Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau  
Tiền đường thả một bè lau rước người*

Giác Duyên làm đúng theo lời chỉ dẫn của Tam Hợp đạo cô. Vì vậy đã cứu được Thúy Kiều khi nàng gieo mình xuống sông Tiền Đường và mời Kiều về thảo lư ở với mình:

*Một nhà chung chạ sớm trưa  
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng  
Bốn bề bát ngát mênh mông  
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau*

Trở về chuyện chàng Kim. Chàng ở Liêu Dương nửa năm, khi chàng trở về chốn cũ mới hay Kiều đã bán mình chuộc tội cho cha Vương Quan với Thúy Vân sống nghèo túng, may thuê viết mướn kiếm ăn lần hồi. Ông bà Viên ngoại còn sống. Thấy chàng Kim thương nhớ Kiều, Vương Ông quyết định vôi vàng sắm sửa chọn ngày để:

*Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng*

Sau đó Vương Quan, Kim Trọng thi đỗ. Kim Trọng đi nhậm chức tại Lâm Truy, gặp Thúc Sinh mới hay về chuyện Từ Hải chết đứng. Và Kim Trọng quyết định đi tìm Kiều:

*Rắp mong treo ấn từ quan  
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha  
Dấn mình trong áng can qua*

*Vào sinh ra tử họa là có nhau*

Vừa lúc đó có chiếu vua cải nhận Kim Trọng tới Nam Bình, Vương Quan tới Phú Dương. Hai chàng cùng chuẩn bị lên đường thì vừa hay thế giặc đã tan:

Sóng êm Phúc Kiến lửa tàn Chiết Giang

Và:

*Được tin Kim mới rủ Vương  
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa*

Tới Hàng Châu tìm hỏi tin tức mới hay chuyện Từ Hải chết đứng, Thúy Kiều bị ép duyên cho thổ quan đã trầm mình xuống sông Tiền Đường. Thật tội nghiệp: cả nhà vinh hiển riêng oan một nàng! Hai chàng bèn làm lễ chiêu hồn giải oan ngay bên bờ sông Tiền Đường thì may sao:

*Cơ duyên đâu bỗng lạ Sao  
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi*

Vì gặp Giác Duyên mọi người mới biết Thúy Kiều còn sống. Kiều gặp đủ mặt người thân:

*Tưởng bây giờ là bao giờ  
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao*

Nhưng khi Vương Ông bảo Kiều hãy theo mọi người cùng về thì Kiều đã thưa lại:

*Nàng rằng: Chút phận hoa rơi  
Nửa đời ném trái mọi mùi đắng cay  
Tính rằng mặt nước chân mây  
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không  
Được rày tái thể tương phùng  
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay  
Đã đem mình bỏ am mây  
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa*

*Mùi thiền đã bén muối dưa  
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng  
Sự đời đã tắt lửa lòng  
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi*

Vương Ông vẫn khuyên Kiều hãy quay về sum họp, vì chấp kinh cũng phải tòng quyền rồi:

*Độ Sinh nhờ đức cao dày  
Lập am rồi sẽ rước Thầy ở chung*

Và Kiều đã:

*Nghe lời nàng phải chiều lòng  
Giã sự giã cảnh đều cùng bước ra*

Về tới nhà trong bữa tiệc xum họp nàng Vân tuyên bố là xưa vì nạn nhà mà mối duyên của chị với chàng Kim nàng phải đứng ra thay chị nhưng:

*Bây giờ gương vỡ lại lành  
Khuôn thiêng lừa lọc đã đành có nơi  
Còn duyên may lại còn người  
Còn vàng trắng bạc còn lời nguyên xưa*

Kiều gạt phắt lời em, vì nghĩ thân mình dãi gió dầm mưa đã nhiều Chàng Kim khăng khăng góp ý với Kiều:

*Một lời đã chót thâm giao  
Dưới đây có đất trên cao có trời  
Dẫu rằng vật đổi sao dời  
Từ Sinh cũng giữ lấy lời từ Sinh*

Kiều vẫn cương quyết khước từ và thừa thắng với chàng Kim:

*Thiếp từ ngộ biến đến giờ  
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa  
Bấy chầy gió táp mưa sa  
Mấy trắng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn*

Và nàng đề nghị hãy từ tình duyên đổi sang tình bạn:

*Chàng dù nghĩ đến tình xa  
Đem duyên cầm sắt ra duyên cầm kỳ*

Chàng Kim vẫn cương quyết nói với nàng là chữ trinh kia cũng có ba bảy đường:

*Như nàng lấy hiếu làm trinh  
Bụi nào cho đục được mình ấy vay  
Trời còn để có hôm nay  
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời  
Hoa tàn mà lại thêm tươi  
Trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*

Cả Vương Ông, Vương Bà cùng chàng Kim dồn Thúy Kiều vào thế hết lời khôn lẽ chối lời

*Cúi đầu nàng những ngẩn dài thở than  
Và nàng chịu làm lễ đủ đôi với chàng.*

Nhưng đêm hôm đó trong phòng chỉ còn riêng hai người nàng mới thỏ thẻ nói lại với chàng lý lẽ của mình. Em Vân đã thay nàng trả nợ tình xưa, còn mình thì:

*Chữ trinh còn một chút này  
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan  
Còn nhiều ân ái chan chan  
Hay gì vẫy cánh hoa tàn mà chơi*



Sau cùng Kim Trọng hoàn toàn đồng ý với nàng đem duyên cầm sắt ra duyên cầm kỳ. Chàng cũng khẳng định là

*Bấy lâu đày bể mò kim  
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa  
Ai ngờ lại hạp một nhà  
Lọ là chẵn gôi mới ra sắt cầm*

Và Kiều đã sửa áo cài trâm khăn đầu lạy tạ Chàng Kim:

*Thân này gạn đục khơi trong  
Là nhờ quân tử khác lòng người ta*

Sau đó Kim Trọng lại yêu cầu cho nghe lại tiếng đàn xưa của nàng. Nàng thuận tình chiều ý chàng nhưng lần này thì

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa  
Ấy là hồ điệp hay là Tráng sinh  
Khúc đầu êm ái xuân tình  
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ Quyên  
Trông sao châu nhỏ duềnh quyên  
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông  
Thúy Kiều cũng không quên  
Nhớ lời lập một am mây  
Khiến người thân tín rước Thầy Giác Duyên*

Nhưng:

*Đến nơi đóng cửa cài then  
Rêu trùn kể gạch cỏ lên mái nhà  
Sư đà hái thuốc phương xa  
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu  
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu  
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai*

Thúy Kiều tiếp tục cuộc sống thanh thoi hạnh phúc của kẻ đã trả nợ xong nghiệp cũ:

*Một nhà phúc lộc gồm hai  
Nghìn năm dằng dặc quan giai lần lần  
Thừa ai chẳng hết nàng Vân  
Một cây cù mộc một sân quế hòe*

Và Nguyễn Du đã kết thúc Truyện Kiều với những lời thơ đề cập tới chữ tài, chữ mệnh, chữ tâm, thiện căn và nghiệp nơi con người:

*Ngãm hay muôn sự tại trời  
Trời kia đã bắt làm người có thân  
Bắt phong trần phải phong trần  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao  
Có đâu thiên vị người nào  
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai*

*Có tài mà cậy chi tài  
Chữ tài liền với chữ tai một vần  
Đã mang lấy nghiệp vào thân  
Cũng đừng trách lẫn trời gần xa  
Thiện tâm ở tại lòng ta  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài  
Lời quê chấp nhật đồng dài  
Mua vui cũng được một vài trống canh*

Như vậy là đọc lại từ đầu đến cuối Truyện Kiều, chúng ta thấy cụ Tiên Điền đã 6 lần đề cập đến đạo Phật hoặc qua nhân vật hoặc qua tình tiết truyện.

Lần thứ nhất: Khi Kiều dùng dao tự vẫn trước Tú Bà, trong cơn ngất bần bật Kiều đã được Đạm Tiên báo cho hay:

*Rĩ Rãng: Nhân quả dở dang  
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao  
Số còn nặng nợ má đào  
Người dù muốn quyết trời nào đã cho  
Hãy xin hết kiếp liễu bồ  
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau*

Như vậy là lần thứ nhất này qua lời báo mộng của Đạm Tiên, Nguyễn Du đã đề cập đến luật nhân quả và chữ nghiệp của nhà Phật

Lần thứ hai: Khi biết Thúc Sinh “vườn mới thêm hoa” (gian dũ với Thúy Kiều), Hoạn Thư đã:

*Lừa tâm càng dập càng nồng  
Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa*

Hai chữ lừa tâm trên đây cũng đượm phần giáo lý của Nhà Phật

Lần thứ ba: Khi Thúc Sinh trở lại Lâm Truy bằng đường bộ để gặp lại Thúy Kiều thì Hoạn Thư đã sai lũ gia nhân đi bằng đường biển gần hơn bắt Thúy Kiều

Trong khi đó với Kiều khi chưa bị lũ gia nhân của Hoạn Thư tới bắt thì

*Đêm thu gió lọt song đào  
Nửa vầng trăng khuyết ba sao trên trời  
Nén hương đến trước Phật đài  
Nỗi lòng khẩn chữa nạn lời vân vân*

Theo lời bàn xưa thì hình ảnh “nửa vầng trăng khuyết ba sao trên trời cũng là gián tiếp nhắc đến chữ Tâm của đạo Phật

Lần thứ tư: Khi Kiều đã bị bán mình cho Mã Giám Sinh tay sai của Mụ Tú Bà, tới đây Nguyễn Du qua lời Đạm Tiên nói với Thúy Kiều đã đề cập tới Luật nhân quả và chữ Nghiệp trong đạo Phật:

*Rĩ Rãng: Nhân quả dở dang  
Đã toan trả nợ đoạn trường được sao  
Số còn nặng nghiệp má đào  
Nàng đà muốn quyết trời nào đã cho*

Lần thứ năm: Khi Kiều trầm mình xuống sông Tiền Đường nàng được sư bà Giác Duyên cứu sống và Kiều đã theo về thảo lư chung sống với sư bà.

Lần thứ sáu: Với sáu câu sau cùng của Truyền Kiều cụ Nguyễn Du đã dùng đến chữ Nghiệp và chữ Tâm của Nhà Phật để hàm ý khuyên chúng ta một nếp sống tâm linh lành mạnh:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân  
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa  
Thiện căn ở tại lòng ta  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài  
Lời quê chấp nhật đồng dài  
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Thân mẹ. Thân đàn bà con gái.

## **Thầm lặng** **Kim Khánh**

(con gái của nhà văn Doãn Quốc Sỹ)

Một đời thầm lặng mẹ theo bố.

Tháng 9 năm 1954 mẹ theo bố vào Nam. Trước đó bố hoạt động ngang dọc, sáng ngời lý tưởng rồi ê chề thất vọng. Quyết định vào Nam là của bố, mẹ chỉ bé hai con và dặt cô em chồng 17 tuổi theo. Trong Nam, bố tung bưng thi thố tài năng, tay phấn tay bút. Mẹ thầm lặng ở nhà nuôi dạy con và chăm chút em. Dân số con từ hai tăng thành tám. Tám con tám tính, có lúc hư lúc ngoan; mẹ theo từng bước, khen chê mắng mỏ. Cô em chồng tốt nghiệp đại học, chuẩn bị lên xe hoa, mẹ lo toan chuyện cưới hỏi. Bố vất vả bên ngoài, về nhà chỉ cần đảo mắt nhìn là thấy mọi sự tươm tất. Ra đường, các con được gọi là “con bố”, em là “em anh”, không ai biết có một nhân vật thầm lặng đã làm nên những con người ấy.

Vào những năm thăng tiến trong cả hai nghề dạy và viết, bố hay mời khách về nhà đãi đằng. Mẹ tiếp khách lịch thiệp, rồi rút về hậu trường trở tài nấu nướng. Trước khi ra về các bác bao giờ cũng chào “bà chủ” trong tiếng cười hỉ hả “Cám ơn chị cho một bữa ngon quá.” thỉnh thoảng có những vị khách nữ, khen thức ăn và khen cả ông chủ. Tôi còn nhớ có người còn nói rất chân tình với mẹ: “Chồng em mà được một phần của anh thì em chết cũng hả.” Hình như mẹ đón nhận lời nói ấy như một sự khen tặng cho chính mình.

Rồi chính sự miền Nam nóng bỏng; ngòi bút bố cũng nóng theo. Các bạn bố đến chơi chỉ bàn chuyện cộng sản và quốc gia. Mẹ không mấy quan tâm đến “chuyện các ông”, nhưng khi bố đi Mỹ du học, mẹ ở nhà điều hành việc bán sách thật tháo vát. Khoảng hai tuần một lần, mẹ đi xích lô đến trung tâm Saigon, rảo một vòng các tiệm sách để xem họ cần thêm sách nào. Sau đó mẹ cột sách thành từng chồng và “đáp” một chuyến xích lô khác để giao sách. Tôi hay mân mê những sợi giây được cột chắc nịch, suyát xoa: “Sao mẹ cột chặt hay thế?”

Thế rồi chính sự miền Nam đến hồi kết thúc. Con người không chính trị của bố lại một lần nữa ê chề. Ngày công an đến bắt bố đi, mẹ con bàng hoàng nhìn nhau. Các con chưa đưa nào đến tuổi kiếm tiền. Mẹ xưa nay thầm lặng trong vai “nội tướng”, giờ miễn cưỡng ra quân. Tiền dành dụm của gia

đình không đáng kể. Có tám miệng để nuôi, có bố nhọc nhằn trong lao tù đợi tiếp tế. Mẹ vụng về tìm kế sinh nhai. Thoạt tiên mẹ nấu khoai mì trộn với dứa và vừng, rồi để vào rổ cùng với một ít lá gói. Tôi băn khoăn hỏi:

“ Mẹ nghĩ có bán được không?”

“Mẹ không biết, cứ mang ra chỗ trường học xem sao.”

Nhìn dáng mẹ lom khom ôm rổ, đầu đội xụp cái nón lá, tôi thương mẹ khôn tả. Chỉ nửa tiếng sau tôi đã thấy mẹ trở về. Rổ khoai mì vẫn còn nguyên, mẹ ngượng ngập giải thích:

“Hình như hôm nay lẽ gì đó, học trò nghỉ con ạ.”

Rồi mẹ lại xoay sang nghề bán thuốc lá. Mẹ mua lại của ai đó một thùng đựng thuốc lá để bày bán. Mẹ nghe ai mách bảo, chọn một địa điểm khá xa nhà rồi lụi hụi dọn hàng vô, dọn hàng ra mỗi ngày. Nghề này kéo dài được vài tháng.

Mẹ kể cũng có một số khách quen, nhưng toàn mua thuốc lá lẻ. Hôm nào có khách “xộp” mua nguyên bao thì mẹ về khoe ngay. Cũng may thuốc lá không thiu nên khi “giải nghệ” mẹ chỉ lỗ cái thùng bày hàng.

Mẹ rút về “bản dinh” là căn nhà ở cuối hẻm, tiếp tục nhìn quanh, tìm một lối thoát. Hàng xóm chung quanh phần lớn là những người lao động. Họ như những đàn kiến chăm chỉ cần cù, 4 giờ sáng đã lục đục, người chuẩn bị hàng họ ra chợ, kẻ kéo xe ba bánh hoặc xích lô ra tìm khách. Suốt mười mấy năm qua họ nhìn gia đình chúng tôi, gia đình “ông giáo”, như từ một thế giới khác, kính trọng nhưng xa cách. Nay “ông giáo” đi tù, “bà giáo” hay xuất hiện ngoài ngõ, có lẽ họ cảm thấy gần gũi hơn. Một hôm, chị bán sừng xâm ở đối diện nhà qua hỏi thăm “ông giáo”. Thấy cái máy giặt vẫn còn chạy được,

chị trầm trồ: “Giặt máy tiện quá bác há!”, rồi nảy ý “Tụi con ngày nào cũng có cả núi quần áo dơ. Bác bỏ máy giặt dùm, tụi con trả tiền. Bác chịu không?” Lời đề nghị thẳng thừng, không rào đón. Mẹ xăng xai nhận lời. Kể từ đó, mỗi tuần khoảng hai lần, mẹ nhận một thau quần áo cáu bẩn, bốc đủ loại mùi khai, tanh, nồng. Mẹ đích thân xả qua một nước, rồi múc nước từ hồ chứa vào máy giặt, bỏ xà bông và bắt đầu cho chạy máy. Cái máy cổ lỗ sĩ, chạy ì ạch nhưng nhờ nó mà mẹ kí cóp được chút tiền chợ.

Ít lâu sau, cũng chị hàng xóm đó lại sáng thêm một ý nữa:

“Con bé nhà con nay biết bò rồi, con không dám thả nữa. Bác nhận không, con gửi nó mỗi ngày từ sáng tới chiều. Con trả tiền bác.”

Thế là sự nghiệp nhà trẻ của mẹ bắt đầu. Mẹ dọn căn gác gỗ cho quang, có chỗ treo võng, có cửa ngăn ở đầu cầu thang. Cả ngày mẹ loay hoay bận bịu pha sữa, đút ăn, lau chùi những bãi nước dãi. Được ít lâu, chị bán trái cây ở cuối hẻm chạy qua nhà tôi, nói:

“Bác coi thêm con Đào nhà con nha. Con mang cái võng qua mắc cạnh cái võng của cửa con Thủy.”

Hai vớng đong đưa một lúc, cháo sữa dứt liền tay hơn, căn gác bừa bộn hơn. Sau đó lại thêm một thằng cu nữa. Mẹ tay năm tay mười, làm việc thoăn thoắt. Cũng công việc quen thuộc ấy, ngày xưa làm cho con, nay làm kế sinh nhai, nuôi đủ tám con với một chồng. Mẹ không còn thăm lặng nữa. Mẹ lớn tiếng điều khiển tám quân sĩ, cần roi có roi, cần lời ngọt có lời ngọt. Riêng chúng tôi vẫn nhớ ơn những người lao động đã giúp chúng tôi sinh sống những ngày khổn khổ đó.

Nhưng sau những giờ ban ngày ồn ào náo động là những đêm tối trầm ngâm lo lắng. Nỗi bận tâm không rời của mẹ là chuyện thăm nuôi bố. Mỗi ngày mẹ nghĩ ra một món, làm dần vào buổi tối, nay muối vừng, mai mắm ruốc, mứt bánh mì khô. Mẹ để sẵn một giỏ lớn trong góc bếp và chất dần đồ thăm nuôi trong đó.

Khi giỏ đầy là ngày thăm nuôi sắp tới.

Thuở ấy bố bị giam ở núi đồi Pleiku, muốn lên đến đó phải mất hai ngày đường và nhiều giờ chầu chực xe đò. Mỗi lần thăm nuôi, hoặc mẹ, hoặc một đứa con được chỉ định đi. Con trưởng nữ hay được đi nhất vì nó tháo vát và nhanh trí, thằng thứ nam cũng được nhiều lần “tín nhiệm”; mẹ nói nó nhỏ tuổi nhưng đạo mạo, đỡ đàn mẹ được. Con thằng trưởng nam đúng tuổi đi “bộ đội”, mẹ ra lệnh ở nhà. Có lần mẹ đi về, mặt thất thần.

Các con hỏi chuyện thì mẹ chỉ buông hai chữ “biệt giam”. Biệt giam thì bị trừng phạt không được thăm nuôi. Tôi thẳng thốt hỏi:

“Đồ thăm nuôi đâu hết rồi mẹ?”

“Mẹ phải năn nỉ. Cuối cùng họ hứa chuyển đồ ăn cho bố.”

“Mẹ nghĩ họ sẽ chuyển không?”

“Họ hẳn sẽ ăn bớt, nhưng nếu mẹ mang về thì phần bố đói còn chắc chắn hơn nữa.”

Mẹ ngày nào thăm lặng, nay thực tế và quyết đoán như thế.

Ngày bố được thả đợt 1, nhà trẻ của “bà giáo” vẫn còn hoạt động. Mẹ hướng dẫn bố đu vớng khi các bé ngủ. Mẹ cũng dặn bố thường xuyên lau chùi gác và bỏ giặt tã dơ. Bố một mực nghe lời. Tưởng như cò đã chuyển sang mẹ một cách êm thấm...

Tuy nhiên, mẹ không thể ngăn được bố lần la cầm lại cây bút. Thời gian này là lúc họ hàng ngoài Bắc vào chơi nhiều. Bên ngoài có cậu tôi làm đến chức thứ trưởng; cậu kể rằng lúc còn sống, ông ngoại (một nhà thơ cách mạng) phiền lòng vì sự nghiệp văn chương của thằng con rể. Bên nội có chú tôi - một nhạc sĩ cách mạng- chú biết ngòi bút đang thôi thúc bố và đã từng rít lên giữa hai hàm răng:

“Trời ạ! Đã chửi vào mặt người ta, không xin lỗi thì chớ lại còn nhỏ thêm một bãi nước bọt! Lần này mà vào tù nữa thì mọt gông.” .

Mấy mẹ con chết lặng trước viễn tượng “mọt gông”. Bố không màng đến điều này, vẫn miệt mài gõ máy đánh chữ. Đêm khuya thanh vắng tiếng gõ càng vang mồn mồn. Vài lần mẹ can ngăn, có lần mẹ giận dữ buộc tội: “Ông chỉ biết lý tưởng của mình, không biết thương vợ con.”

Vài tuần sau, chị hàng xóm đổi điện nhà chạy sang xì xào với mẹ:

“Công an đặt người ở bên nhà con đó bác, họ theo dõi bác trai.”

Mẹ lại thử can thiệp, nhưng đã quá trễ. Bố bị bắt lần thứ hai năm 1984.

Lần thứ hai bị bắt, bố bình tĩnh đợi công an lục lọi tung nhà. Trước khi bắt đi, họ chụp hình bố với nhiều tang chứng chung quanh. Trong hình bố ngẩng cao đầu trông rất ngạo nghễ. Nhiều năm sau, bố vẫn còn được nhắc tới với hình ảnh này. Không ai biết đến người đàn bà thẫm lặng bị bỏ lại đằng sau. Sau biến cố thứ hai này, mẹ phải đối phó thêm với nhiều khó khăn loại khác, điển hình là những giấy gọi gia đình ra dự phiên tòa xử bố. Gọi rồi hoãn, rồi lại gọi lại hoãn. Mỗi lần như vậy cả nhà lại bán loại tâm trí, lo cho mạng sống của bố. Riêng mẹ thì vừa lo vừa soạn thêm một số thức ăn thẫm nuôi. Mẹ thực tế là thế đó.

Sau khi bố bị gọi án 10 năm tù, cuộc sống của mẹ không còn những bất ngờ khủng khiếp, chỉ còn những đen tối và tù túng đều đặn. Tường là dễ chịu hơn, nhưng thực ra nó gặm nhấm tâm thức, tích lũy buồn bực chỉ đợi cơ hội bùng nổ. Hết ngày này qua tháng nọ mẹ làm lúi chuan bị đồ thẫm nuôi, từng món ăn thức uống, từng vật dụng hằng ngày. Các con lần lượt trưởng thành, đứa nào cũng có bạn bè và những sinh hoạt riêng. Chuyện thẫm nuôi bố và lòng thương bố quan trọng lắm, nhưng cũng chỉ là một phần trong những cái quan trọng khác trong đời. Chỉ đối với mẹ, những thứ ấy mới là tất cả, độc tôn choán ngập tâm hồn mẹ. Mẹ hẳn có những lúc thấy tức tưởi và cô đơn mà các con nào hay biết. Có vài lần chúng tôi lỡ một lời nói hoặc cử chỉ không vừa ý mẹ, mẹ òa khóc tu tu, lớn tiếng kể lể, tuôn trào như một giòng lũ không ngăn được. Lúc ấy chúng tôi mới choàng tỉnh.

Ngày mãn hạn tù về, bố bình an như một thiền sư, để lại sau lưng hết cả những thăng trầm của quá khứ. Rồi bố mẹ sang Mỹ ở Houston sống cùng cậu trưởng nam. Mẹ bận bịu với cháu nội, nhưng không quên nhắc ông nội đi tắm và bao giờ cũng nặn kem đánh răng vào bàn chải cho ông mỗi tối. Thỉnh thoảng giao tiếp với họ hàng và bạn bè, mẹ lại phải đỡ lời cho bố, khi bố cứ mỉm cười mà không nói năng chi. Thư viết về cho con cháu ở Việt Nam, ai cũng nói mẹ viết hay hơn ông nhà văn Doãn Quốc Sỹ. Lúc đó chắc mẹ nghĩ thẫm rằng: “bởi vì mẹ là con của ông Tú Mỡ mà!”

Như thế được mười năm thì mẹ ngã bệnh. Hôm nay, ở giai đoạn cuối của căn bệnh Alzheimer, mẹ nằm bất động một chỗ và không nói được nữa. Nhưng mẹ vẫn đưa mắt nhìn bố mỗi lần bố ra vào trong phòng. Hôm nào bố vắng nhà vài ngày thì mẹ nhìn con trai, mắt dò hỏi lo lắng. Khi bố về thì mẹ vẫn nhìn bố, ánh mắt yên tâm hơn. Mẹ thẫm lặng hơn bao giờ hết. Dưới mắt bố con chúng tôi, sự thẫm lặng ấy càng ngày càng tỏa sáng.

## Chiếc chiếu hoa cạp điều

Quê tôi cách Hà Nội chừng 5 cây số. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì gia đình tôi tản cư lên Nhã Nam thuộc huyện Yên Thế, Bắc Giang. Đến năm 1948 khi cậu tôi từ Vĩnh Yên lên thăm chúng tôi lần đầu thì toàn thể gia đình chúng tôi ai nấy đều có màu da nửa vàng nửa xám xịt vì sốt rét rừng.

- Anh chị phải cho các cháu tản cư về mạn dưới như chúng tôi - lời cậu tôi nói với thầy mẹ tôi - chứ cứ như thế này thì không chết cũng chẳng còn ra hồn người nữa.

Sau ngót hai năm tản cư gia đình tôi khánh tận rồi. Có lẽ vì nghĩ vậy nên thầy mẹ tôi tìm cách nói thác:

- Ngày xưa vùng Yên Thế Thượng này độc nhưng nay vì có nhiều người lên khai phá nên khí hậu cũng không đáng ngại lắm.

Cậu tôi không chịu:

- Anh chị về Vĩnh Yên gần chúng tôi cho có anh có em, vừa tránh được nạn sốt rét rừng vừa có cơ buôn bán khá. (Dạo đó Vĩnh Yên còn là cửa ngõ của việc thông thương giữa Liên khu III với Bắc Việt).

Rồi cậu tôi về Vĩnh Yên. Hai tháng sau người lại lên, nhất quyết đón gia đình tôi xuôi, nói là nơi ăn chốn ở đã thu xếp đâu vào đó cả.

Thế là gia đình tôi xuôi Vĩnh Yên, còn một mình tôi ở lại Sở Thông Tin Liên khu I. Công tác của tôi là đi tuyên truyền mười điều kháng chiến trong toàn huyện Yên Thế. Vì lưu động như vậy nên tôi cũng quên đi nỗi buồn gia đình phân cách đôi nơi. Nỗi buồn đó chỉ đến thắc mắc lòng tôi mỗi khi trở về trụ sở kiểm điểm công tác. Trụ Sở Thông Tin ở một làng bên tả ngạn sông Thương, gần một bến đò đẹp vào bậc nhất Bắc Giang, bến đò Lục Liễu. Để tặng phần thơ mộng cho cái tên đó tôi vẫn thường dịch nôm là "Bến đò liễu xanh".

Thư của em tôi tới báo cho hay gia đình đã tới tản cư cùng làng với gia đình cậu mợ tôi. Làng đó ở ngay bến Rau, bên này là Vĩnh Yên, bên kia là Sơn Tây rất thuận tiện cho việc buôn bán.

Rồi thay, thầy mẹ tôi vừa đến Vĩnh Yên thì quân Pháp mở chiến dịch càn quét khắp vùng Sơn Tây rồi thiết lập thêm đồn quân dọc theo hữu ngạn sông Hồng từ Sơn Tây ngược lên đến Việt Trì. Các ngã đường giao thông với Liên khu III đều bị quân Lê Dương phục kích ráo riết.

Cậu tôi đã rơi vào ổ phục kích của chúng, dấn vốn khánh tận may thoát được người. Mẹ tôi phải ngừng chuyên buôn bán.

Nghe nói làng N.H. bên hữu ngạn sông Đáy gần chân dãy núi Tam Đảo là một làng trù mật, chuyên bán đồ, gia đình tôi bèn chuyển đến đây theo sáng kiến của mẹ tôi. khi tới nơi, mẹ tôi mới thấy rằng mình đã nhầm. Trước đây một năm thì địa điểm này buôn bán được vì hầu như dân chúng toàn hạt Vĩnh Yên đổ xô về để tránh Pháp tấn công, nhưng nay, tình hình tạm yên ai nấy trở về chốn cũ, địa điểm N.H. trở lại chốn trầm mặt của chốn chuyển tiếp giữa vùng trung du bên dưới với vùng đèo heo hút gió bên trên.

Vừa lúc đó tôi xin thôi ở sở Thông Tin về.

Mẹ tôi mừng lắm vì người vẫn thường nói: "Thời loạn lạc gia đình nên gần nhau nhờ có thế nào...". Hình như trong óc người - có thể nói trong óc mỗi người trong gia đình tôi - đều luôn luôn lo sợ cảnh

một người bị chết vì bom đạn rồi mất xác vì gia đình không kịp biết để nhìn nhận. Niềm vui đoàn tụ giúp chúng tôi bớt buồn nản khi thu xếp gồng gánh trở lại huyện Yên Lạc. Lần này gia đình tôi không dám ở gần bến đò Rau nữa vì sợ phi cơ oanh tạc, mà ở một làng cách huyện Yên Lạc chừng gần một cây số. Gia đình cậu tôi ở ngay làng bên. Lẽ cố nhiên cả hai gia đình chúng tôi cùng nghèo túng lắm, nghèo túng đến nỗi cậu mợ tôi, thầy me tôi cũng không dám sang nhà thăm nhau, chỉ chiều chiều ra gặp nhau trên quãng đường đá nối huyện Yên Lạc với bến đò Rau.

Tôi gặp lại người yêu cũ từ Phủ Lý (Khu III) chạy lên. Chúng tôi thành vợ chồng, tuy có ký giấy tờ tại Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chính Huyện - cậu mợ tôi là những người làm chứng - nhưng đám cưới hoàn toàn êm ả, y như một đám cưới vùng trộm.

Em gái lớn tôi xoay đi buôn gạo, ngày ngày kịu kịt đi về 20 cây số kiếm chút lãi. Ở Yên Thế tuy bị sốt rét nhưng nhà ở giữa rừng ít lo bị địch tấn công bất ngờ; tuy cũng nghèo túng nhưng còn có đất rộng để trồng gia rau cỏ và nuôi được lợn gà.

Về đây những buổi ăn cháo ngô trừ bữa, mẹ tôi thường có ý khép cửa giữa lại.

Em gái tôi đã phải đi chợ thật xa để đong gạo rẻ mà rồi tính ra lời lãi cũng chẳng được là bao. Các cụ giải thích hiện tượng kinh tế này bằng câu: "Thóc gạo có tinh", mẹ tôi làm tương gánh đi các chợ xa bán để kiếm thêm. Vợ tôi tạng người yếu nhưng khéo tay, không làm được việc nặng, nàng phụ trách những việc nhẹ như rang đỗ tương, ủ mốc, pha muối vào nước tương...

Dạo đó trường Luật mở ở gần chợ Me (Vĩnh Yên), tôi có ghi tên theo học nốt năm thứ ba hy vọng ngày thành tài sẽ ra thẩm phán, đồng lương họa có cao để giúp gia đình. Vì hoàn cảnh kháng chiến các giáo sư thường từ nơi xa lại trường sở dạy liền trong mấy ngày, sau đó sinh viên tự tìm tài liệu nghiên cứu thêm. Có khi thời gian nghiên cứu lấy dài hơn một tháng mới có giáo sư mới. Tôi triệt để lợi dụng khoảng cách này để bon về giúp đỡ gia đình những công việc nặng.

Mùa đông năm đó rét lạ lùng. Gió hun hút giạt từng cơn buốt như dao cắt từng mảnh thịt hờ, thế mà hôm nào mẹ và em gái tôi cũng phải dậy từ bốn giờ rưỡi sáng để sửa soạn gồng gánh ra đi. Quần áo và chăn chiếu của gia đình tôi thiếu mất nhiều. Thắng em thứ ba của tôi có được cái chiếu rách mướp vừa nằm vừa đắp, chân thò ra ngoài thì nó lầy rơm phủ lên.

- "Ấy cứ thế mà ảm ra phết anh ạ" - Nó vừa cười khoái trí vừa nói với tôi như vậy.

Các em trai em gái tôi đã lớn cả, chúng tôi hầu như thường thi đua trong việc nhường nhịn nhau. Mẹ tôi chỉ còn thắc mắc về thằng em út của tôi. Nó còn nhỏ tuổi quá chưa thể tìm nguồn vui ở tinh thần để quên đói rét. Tương đối với cả nhà nó được mặc lành nhất. Nó mặc cái áo đỏ chót có những vệt chữ nho đen và những đường kim tuyến (nguyên đó là chiếc câu đối người ta phúng bả tôi hồi chưa tác chiến). Câu đối đỏ thì may áo, còn nẹp sa teng vàng mẹ tôi cố gạn may thêm cho nó chiếc áo di-lê. Chúng tôi gọi đùa nó là "anh cò đỏ sao vàng". Đêm đến rét quá không đủ chăn ấm, nó thường khóc khậm khạch. Chỉ cần có thêm đôi chiếu nữa thì cả nhà đủ ấm.

- "Chiếu cói kị gió". - Mẹ tôi bảo thế.

Nhưng đến ăn còn chẳng đủ làm sao chúng tôi mua được đôi chiếu bây giờ?

Hôm đó suốt từ sáng sớm đến trưa phi cơ bay từng đoàn bắn phá và dội bom liên tiếp xuống các chợ lân cận: chợ Me, chợ Vàng, chợ An Lạc... Mọi ngày chỉ khoảng bốn giờ chiều mẹ tôi có mặt ở nhà. Ngày đó giờ đã xế chiều mà người vẫn chưa về. Toàn thể gia đình tôi bắt đầu sốt ruột tuy không ai nói một câu.



Chiều ngả màu xẫm. Gió bắc rít trong bụi tre già làm nền cho tiếng khàn khàn của lũ quạ lục đục trong ổ, gió bắc xoáy từng vòng cuồng loạn dứt từng vốc lá tre, lá bưởi vàng úa rồi lại nhào vút mắt hút ra ngoài cánh đồng bát ngát hiu quạnh.

Mẹ tôi vẫn chưa về.

Trong óc tôi thoáng hiện những cảnh chợ bị phi cơ tàn phá, những hình người không kịp xuống hầm bị đạn chết gục bên cột lều tay còn quờ ôm những đồ hàng của mình, những hình người bị bom napalm thiêu rụi như những thân chuối cháy đen... Và tôi vùng ra cổng.

Thầy tôi biết ý hẹn với:

- Con cứ thẳng đường ra bến Rau. Mẹ con thường về đường ấy.

Ra tới cổng làng, tôi đi như bay theo đường đã định, cổ họng nghẹn ngào, dạ cồn lên như lửa đốt. Con đường như rộng thênh thang, cánh đồng ngập trong bóng chiều xẫm và trong gió bắc, càng trở thành mệnh mông. Tôi vun vút nhảy qua các hố phá hoại mà đi như một bóng ma cô độc đương muốn biến theo luồng gió.

Từ xa như có bóng người đi lại. Chắc người đó ở chợ Rau về. Để tôi phải hỏi tin tức về việc phi cơ oanh tạc hôm nay.

Hình như trên đòn gánh người đó có vắt ngang một cái gì.

Tôi lướt vội lên. Trời ơi, mẹ tôi!

Hai mẹ con mừng mừng tủi tủi như gặp nhau ở cửa âm ti.

Tôi hỏi: "Sao mẹ về muộn thế, cả nhà lo tưởng phát điên lên". Mẹ tôi cho biết hàng hôm nay bán ở chợ không hết, người phải đi sâu vào một vài làng lân cận để bán nốt. Rồi khi xuống khỏi đê, qua cái lạch lớn, thấy có chiếc chiếu trôi, vội tìm cách vớt lên và giặt luôn bên lạch. Đó là chiếc chiếu còn khá tốt tuy chiều rộng bị xén đi mất một phần ba.

Mẹ tôi chỉ vào chiếc chiếu phơi trên đòn gánh nói:

- Về đến nhà thì chiếu vừa khô con ạ. Tối hôm nay thằng Tư - tên thằng em út tôi - có chiếu đắp ấm.

- Mẹ ơi, "giàu con út, khó con út", mẹ chẳng để ý gì đến chúng con, chỉ chăm chút cho chú Tư thôi.

Mẹ tôi đi trước, gió ngược chiều nên tiếng tôi mắt hút về phía sau. tuy nghe tiếng được tiếng không nhưng mẹ tôi vẫn hiểu câu nói đùa. Người vừa giữ cái chiếu vừa quay nhìn tôi mỉm cười.

Tối hôm đó khi đi ngủ thằng chú Tư được mẹ tôi đắp cho chiếc chiếu vớt ở lạch. Chân nó thò ra một tí khiến tôi nhận thấy chiếc bí tất cũ vàng xỉn của tôi, chỗ đầu rách được buộc túm lại để các ngón chân xinh của nó khỏi "thoát ly" ra ngoài.

Dạo đó chỉ còn một tháng nữa là tết. Tôi lại có dịp tạm rời trường Luật, đợi đến qua giêng mới có giáo sư. Tôi về vừa đúng lúc gia đình đương cần nhân công xay thóc giã gạo. Dấn vốn của gia đình tôi còn đang được năm nòi thóc. Dùng số tiền đó làm tiền đặt mẹ tôi có thể đóng về được tám nòi. Theo như mẹ tôi phác tính mỗi nòi thóc làm, được lợi ít ra là hai ca gạo, vị chi với tám nòi thóc, chúng tôi sẽ lợi ít

nhất là một nồi rươi gạo. Cứ như vậy mà đủ việc liền trong một tháng, nghĩa là vừa đến tết, thì chúng tôi có thừa tiền đóng gạo nếp gói bánh chưng và mua thịt cá để đón một mùa xuân kháng chiến tương đối huy hoàng.

Chúng tôi ngoại giao ổn thỏa với các nhà có cối xay cối giã rồi bắt đầu vào việc. Thầy tôi trông nom mấy đũa nhỏ sửa soạn cơm nước. Tôi và thằng em giai xay thóc trong khi mẹ tôi điều khiển vợ tôi và cô em gái sàng gạo. Xay hết thóc chúng tôi đã có gạo đem đi giã, giã đến đâu mẹ và em tôi sàng tằm sấy cám đến đấy. Trong khi xay thóc tôi nhằm ôn các đạo luật, các án lệ để sửa soạn kỳ thi cuối niên khóa. Khi giã gạo với vợ, tôi cùng nàng thủ thi xây mộng tương lai. Ngày kháng chiến thành công hẳn chúng tôi đã có những đứa con kháu khỉnh, đã trở về quê hương dựng lại căn nhà xinh, sống tự do bình dị trong tổ ấm gia đình.

Ngày đầu chúng tôi làm được tám nồi thóc với số gạo dư là hai nồi. Một cụ già ở đấy gật gù nói: "Vạn sự xuất ư nho, đúng thật. Học trò thì cái gì cũng làm được. Cứ bảo người Hà Nội không chịu được lam lũ!". Ngày hôm sau có tin quân Pháp đánh lên Vĩnh yên. Những người có thóc giữ lại, mẹ tôi phải vất vả lắm mới mua được bằng giá khá cao sáu nồi thóc để chúng tôi có việc làm.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Yên. Tiền Hồ Chí Minh sụt giá vùn vụt. Vẫn số tiền cũ giờ đây chưa chắc mẹ tôi đã mua nổi bốn nồi thóc. Quân Pháp theo sông đào tiến lên chiếm chợ Me. Dân chúng xao xác chuẩn bị chạy. Số tiền trong tay mẹ tôi hầu trở thành giấy lộn. Chúng tôi ăn một bữa quà bánh đúc, lúc giả tiền thấy vội hắt túi. Viễn ảnh những ngày đầu xuân có gạo nếp, có thịt gà, thịt lợn bị giập vùi trong khói súng và biến thành một điểm mong manh chết đuối giữa cảnh tàn phá rừng rợn của bom đạn rơi bời cha lạc con vợ lạc chồng, anh em tán loạn mỗi người một phương.

Đạo đó tuy đã có phong trào "rèn cán chỉnh cơ" nhưng chưa có cố vấn Tàu, chưa có chính sách "ba cùng", học tập đấu tố nên mặc dầu kinh tế nguy ngập ai nấy vẫn tin tưởng ở ngày mai huy hoàng của dân tộc, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của già Hồ (như lời tuyên truyền phát thanh chiều chiều).

Sang hạ tuần tháng chạp, suốt ngày mưa phùn gió bắc lạnh như cắt ruột. Không hiểu là vì rét nhiều hơn hay là vì chúng tôi đã bắt đầu giảm khẩu phần! Chiếc chiếu mẹ tôi vớt ở lạch đập cho thằng em út đã rách xơ xác. Trong khi gia đình tôi giạt gấu vá vai tìm cách nhường nhau miếng cơm manh chiếu thì xảy cuộc hỗn chiến giữa quân đội Pháp và quân đội Kháng Chiến ở chân núi Tam Đảo. Để giữ vững ưu thế quân sự về mình tại mặt trận Vĩnh Yên. Tướng Pháp De L. quyết định hy sinh đoàn quân hấn, và hạ lệnh cho thả bom tận diệt đôi bên.

(Trong cái điên ba của một cuộc thế lọc lừa phản trắc, người ta dày xéo lên tình người, diêm nhiên hy sinh xương máu đồng bào đồng loại nơi này cho quyền lợi thực dân, nơi kia cho học thuyết giai cấp. Tôi không ghê tởm những bộ mặt lãnh tụ như chúng sao được?)

Từ chân núi Tam Đảo quân Pháp đánh tỏa ra ba mặt, đồng thời từ hữu ngạn sông Hồng, một toán Lê Dương vượt sang càn quét bên Rau ở tả ngạn. Dân chúng từ bốn mặt chạy về huyện Yên Lạc, đổ xô vào các làng. Mẹ tôi bèn thổi cơm hàng gánh đến bán cho họ. Trong số rất đông các người ở làng Rau mang đồ đạc chạy đến làng Lũng Thượng, có gia đình ông Lý Cựu vốn là bà con với ông chủ nhà nơi tôi tản cư. Ông Lý nói chuyện với thầy tôi rất tương đắc nhất là khi ông biết tôi đương học trường luật thi ra thẩm phán.

Ông nói:

- Tôi có thằng cháu năm nay lên sáu; giời cho làm người, sau này kháng chiến thành công, tôi nhất định sẽ gửi cháu lên Hà Nội phiên ông bà và cậu Cả trông nom giúp cho thành thân người.

Quân Pháp sau khi từ chợ Me vượt qua sông Đáy tiến sâu vào huyện Lập Thạch đốt phá một ngày rồi rút lui về tỉnh. Cánh quân tiến sang tả ngạn sông Hồng đốt phá bến đò Rau cũng rút lui về vị trí cũ bên hữu ngạn. Dân chúng chạy loạn lục tục đầu trở về đây ngay để còn kịp sửa soạn tết.

Làng Lũng Thượng trở lại yên tĩnh.

Trưa hôm đó mẹ tôi ra phía bụi tre đầu nhà thấy cong queo dưới hầm trú ẩn một chiếc chiếu hoa cặp điều. Đúng là chiếc chiếu của một gia đình chạy loạn nào khi về mừng quá bỏ quên.

Mẹ tôi nói: "Thôi thế cũng là giới thương mà cho nhà mình!"

Đã lâu lắm, đêm đó tôi mới thấy thằng em út tôi có chiếc chiếu đắp kín chân không trông thấy đôi bí tất buộc túm chỗ rách. Sáng ra, mẹ tôi cẩn thận gấp chiếu rồi vắt lên chiếc giầy thừng căng cao ngang mái nhà. Thế là từ đây đêm đêm nghe tiếng gió rít và những hạt mưa tấp vào đầu gối tôi cũng yên chí cho các em đã tạm đủ chiếu nằm, chiếu đắp. Hai ngày sau, tới buổi sớm ba mươi tết, khi sự tĩnh, tôi thấy không khí trong làng có vẻ tương bưng hơn vì những tiếng bàn tán xôn xao xen với tiếng cười rộn rã ngoài đường xóm. Tôi vùng dậy ra thảng ngộ. Trời tuy lạnh ngọt nhưng quang đãng và êm ả vô cùng. Tôi gặp mọi người mắt ai nấy sáng sáng ngời tin tưởng. Thì ra ở khắp các tường làng đều đã kẻ khẩu hiệu: "Chuẩn bị tổng phản công".

Đồng bào thủ đô bàn nhau ngày về nhận nhà nhận cửa, đồng bào địa phương hơi có vẻ ngậm ngùi tưởng như giờ phút chia tay đã điểm. Buổi trưa hôm đó ông Lý Cựu từ làng Rau mang theo vài thứ xa xỉ phẩm làm quà biếu ông chủ nhà vào dịp tết. Ông Lý Cựu có xuống căn nhà dưới thăm thầy tôi. Câu chuyện vừa xong phần xã giao thường lệ thì ông ngừng nhìn thấy chiếc chiếu hoa cặp điều vắt ở giầy thừng, ông đứng nhòm dậy chạy lại kéo tuột xuống nói gọn:

- Chiếc chiếu này của tôi

Mẹ tôi chợt có một cử chỉ phản ứng của một người mẹ gìn giữ con trong cơn nguy biến.

Người nói:

- "Ấy chiếc chiếu đó của nhà tôi..."

Mẹ tôi vốn là một Phật tử trung thành. Người chỉ nói được đến đây thì lương tâm Phật tử trở lại và người lúng túng quay nhìn ra ngõ.

Ông Lý Cựu thản nhiên gấp chiếu lại, cấp gọn rách rồi thản nhiên nói:

- Không, chiếc chiếu của tôi. Tôi mua đôi chiếu cặp điều từ năm mới tác chiến, một chiếc còn trên kia.

Thì ra đôi chiếu đó, ông Lý mang đến gửi ông chủ nhà trong dịp vừa qua, rồi những người đến chạy loạn tự động mượn đem ra giải ở bụi tre nghỉ tạm, lúc về vì chiếu rơi xuống hầm trú ẩn nên họ quên không trả lại chỗ cũ.

Tuy chỉ một thoáng qua nhận biết sự thể là vậy nhưng tôi vẫn chưa chịu và tiếp lời mẹ tôi:

- Chiếc chiếu này mẹ mua của một người ở chợ Lầm. (Ý tôi muốn nói người đó lấy chiếc chiếu ở đây mang ra chợ Lầm bán).

Ông Lý vẫn thản nhiên, thản nhiên một cách cương quyết:

- Không, chiếc chiếu này của tôi.

Rồi ông cấp chiếu đi thẳng lên nhà. Lúc đó tôi cũng vừa trở lại với tôi để nhớ ra rằng cuối năm nay tôi đã thi xong, có thể ra làm thẩm phán. Tôi thoáng nghe phía sau tiếng vợ tôi thở dài rồi quay vào buồng.

Tối hôm đó khi thấy tôi lấy chiếc chiếu rách cũ vớt ở lạch đập cho thằng em út, mẹ tôi chép miệng nói khe:

- Thôi, sang giêng trời bắt đầu ấm, và lại cũng sắp tổng phản công rồi!

"Và lại cũng sắp tổng phản công rồi!" - mẹ tôi nghĩ thật chí lý. Tổng phản công để bờ cõi được vinh quang độc lập, để mọi người được trở về dựng lại quê hương yên vui.

Tôi hiểu khi đó hầu hết các gia đình khác cũng như chúng tôi, chịu đựng bao nhục nhằn với những phút sa ngã nhỏ như chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều. Tất cả những hy sinh đó - kể cả hy sinh một chút danh dự cho sự yếu đuối thường tình của con người - tuy dẫn vật, ray rứt mà không tàn phá nỗi niềm vui trong sáng, thanh thản của tâm hồn, vì ai nấy vẫn sống ngọp hy vọng một ngày mai vinh quang. Sớm mừng một năm đó mẹ tôi ra chùa lễ. Người quỳ rất lâu trước bàn thờ Phật. Giọng người thành kính thiết tha cầu đức Phật phù hộ cho chóng trở lại yên bình, gia đình được qua thì đói khỏi thì loạn. Tiếng người khẩn đòi khi nước mắt như muốn trào ra.

Cộng sản dim nhân loại trong thiếu thốn để chứng minh nguyên lý "Vật chất quyết định hết thảy". Chúng làm! Con người càng từng trải cảnh thiếu thốn vật chất, niềm tin và đạo đức càng được hun đúc và tình cảm thêm dạt dào. Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhức nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, tuy thực tình câu chuyện chỉ giản dị có vậy. Cách đây ít lâu khi mua được đôi chiếu hoa Phát Diệm ở đường Hai mươi về giải lên phần cho con nằm, tôi thấy vợ tôi chột úp mặt vào hai bàn tay trước bàn gương. Có lẽ nàng nghĩ đến câu chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều khi xưa.

Chuyện đó như biến thành chiếc phao xẩm màu, bất chấp mọi giông tố vẫn nổi lênh bênh trên biển, biển thời gian của đời, biển kỷ niệm của hồn. Cũng kể từ sau ngày xảy chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương những em nhỏ sớm phải lăn lộn vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành. Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn, ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành.

Thấy tôi hàng kiếm chế được nóng giận và nhất là vẫn mỉm cười, khi ứa nước mắt các bạn bè thân thường khen tôi có thái độ hồn nhiên của Trang Chu.

Các bạn yêu quý của tôi! Các bạn có ngờ chăng thái độ hồn nhiên đó là kết quả của biết bao cảnh cơ hàn mà tôi và những người thân của tôi đã trải qua...

Trong đó có chuyện Chiếc chiếu hoa cạp điều!

\*\*\*

## Phụ đính:

### Nhìn lại một thời



Năm 1954 hai vợ chồng tôi cùng hai đứa con gái đầu lòng và cô em gái – năm người cả thảy – ra phi trường di cư vô Nam. Danh từ thời thượng mệnh danh là Bắc Cờ Năm Mười Tư

Thuở đó tôi còn là sinh viên, gặp Trần Thanh Hiệp, sinh viên Luật Khoa, chúng tôi bèn thành lập đoàn thể Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư (ĐSVHNDC), Trần Thanh Hiệp đứng ra làm chủ tịch. Để giới thiệu ĐSVHNDC nhân dịp chào mừng mùa Xuân năm đó, chúng tôi cho in tập Xuân Chuyển Hướng. Tôi còn nhớ trước 1954 - thuở còn ở ngoài Bắc – tôi sớm có khuynh hướng viết văn, hoàn tất được một truyện ngắn đầu tay dưới dạng một truyện cổ tích mang tên là “Sợ Lửa”. Di cư vô Nam năm 1954, may sao tôi có mang theo bản thảo Sợ Lửa và cho đăng vào tập Xuân Chuyển Hướng này! Thế là như lửa gặp gió, tôi tiếp tục . . . tiếp tục sang tác để chính thức đi vào nghiệp cầm bút của nhà văn bên cạnh sự nghiệp cầm phấn của nhà giáo sau này. Sau tập Xuân Chuyển Hướng tôi đứng ra làm chủ nhiệm tờ tuần báo Người Việt nhưng cũng chỉ được vài số là đình bản. Sau đó gặp thêm Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế,

hai họa sĩ Duy Thanh và Ngọc Dũng nữa, thế là chúng tôi xúm lại chủ trương nguyệt san SÁNG TẠO – vào năm 1956 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm! Toà soạn Sáng Tạo ở đường Ký Con. Truyện dài đầu tay Dòng Sông Định Mệnh của tôi đăng trên Sáng Tạo trước khi in thành sách. Sáng Tạo ra được tới số 30 hay 31 thì đình bản. Các văn hữu từ đó vẫn gọi nhóm chúng tôi – Mai Thảo - Nguyễn Sỹ Tế - Ngọc Dũng – Duy Thanh là nhóm Sáng Tạo – Tòa soạn ở đường Ký Con !

Thuở đó anh em chúng tôi ai muốn đem bài đến toà soạn, hay đến toà soạn để sửa bài thì ít nhất cũng phải đợi đến 9 giờ sáng hãy tới, vì tới giờ đó Mai Thảo mới ngủ dậy để ra ngồi trước bàn làm việc.

Từ tám chín giờ tối trở đi đó là giờ Mai Thảo có mặt ở vũ trường để khiêu vũ. Thuở đó đám sinh viên Hà Nội di cư chúng tôi đã có nơi cư trú đàng hoàng, đó là khu Đại Học Xá gần nhà thờ Ngã Sáu Chợ Lớn. Thỉnh thoảng khoảng 8 giờ tối Mai Thảo lái xe đến đón tôi cùng đi khiêu vũ, khoảng 12 giờ khuya thì về, bao giờ cũng rủ theo một em vũ nữ lên xe để cùng tới một tiệm ăn nào đó, vừa ăn uống vừa nói chuyện vui, rồi đưa em vũ nữ về nơi hẻm em ở.

Cùng là nhà giáo kiêm viết văn, chúng tôi có ba người : tôi, anh Nguyễn Sỹ Tế (hiệu trưởng trường Trường Sơn) và anh Nguyễn Sa ( hiệu trưởng trường Văn Học).

Nhắc đến Nguyễn Sa hầu hết chúng ta đều biết bài thơ nổi tiếng của anh “Áo lụa Hà Đông” :

*"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn  
Mà mùa Thu dài lắm ở chung quanh*

*Linh hồn anh vội vã về chân dung  
Bay vội vã vào trong hồn mở cửa  
Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết  
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng gì đâu  
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau?  
Để anh gọi tiếng thờ buồn vọng lại..."  
"Em ở đâu, hồi mùa Thu tóc ngắn?  
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông*

*Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
... Anh vẫn yêu màu áo ấy em ơi"*

Sau này khi sang tới xứ Cờ Hoa này chúng tôi ở cách mấy tiểu bang – tôi ở Houston, Texas, anh ở Quận Cam Cali - mỗi khi có dịp gặp nhau, tôi vẫn hỏi đùa anh:

Chị vẫn mặc áo lụa Hà Đông, phải không anh?

Nhớ lại kỷ niệm với anh Nguyễn Sỹ Tế, khi Cộng Sản chiếm nốt miền Nam, chúng tôi cùng bị đi tù chung và cùng bị đày lên tận miền Gia Trung thuộc núi rừng cao nguyên Pleiku, Kontum. Vùng này sở dĩ mang tên Gia Trung vì có dòng suối YA YUNG chảy qua. Tiếng địa phương là Ya Yung được chuyển sang tiếng Việt là Gia Trung !

Anh Nguyễn Sỹ Tế có 4 câu thơ bằng tiếng Pháp trong tập thơ Chant d'Ya (Tiếng Hát Gia Trung) của anh như sau:

*Sur un fond de ciel balayé  
Un engourdi croissant de lune  
Parait las et comme épuisé  
De sa lumineuse fortune ...*

Và tôi dịch thoát nghĩa thành 4 câu thơ Việt như sau:

*Đình trời gió quét mây tan tác  
Trăng lười liềm ngơ ngác lạnh căm  
Trăng sao đượm vẻ u trầm  
Trăng sao quá đổi âm thầm hồi trắng*

Vào năm 1956 – cách đây đúng nửa thế kỷ - khi tập truyện cổ tích Sợ Lửa của tôi ấn hành lần đầu, ông bạn Nguyễn Sỹ Tế của tôi viết TỰA và Thanh Tâm Tuyền viết BẠT . Với tinh thần tri âm tri kỷ, ông bạn Thanh Tâm Tuyền qua bài thơ mang tên “NHỊP BA” đã nêu lên lòng ước muốn thường xuyên nóng bỏng trong tâm tư thầm kín của tôi: đó là ước muốn sao cho đất nước sớm được thống nhất tự do !

Xin quý vị hãy cùng tôi thưởng thức bài thơ “Nhịp ba” của Thanh Tâm Tuyền viết thay lời Bạt cho “Sợ Lửa”

*Nhịp ba  
(Tặng Doãn Quốc Sỹ)*

*Ngực anh thùng lỗ đạn tròn*

Lưỡi lê thấu phổi  
Tim còn nhẩy đập  
Nhịp ba nhịp ba nhịp ba  
Tình yêu, tự do mãi mãi  
Anh về ngồi dưới vườn nhà  
Cây liền kết trái  
Hoa rụng tươi ử xác  
Anh chạy nhịp hai qua cách trở

Mắt bùng  
Thống nhất, tự do  
Ngoài xa thành phố  
Bánh xe lăn nhịp ba  
Áo màu xanh hơn hờ  
Nhát búa gõ  
Long máy quay  
Cửa nhà thi nhau lớn  
Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba  
Tình yêu, tự do, mãi mãi  
Sóng bồi phù sa  
Ruộng lúa trở hoa  
Núi cao uốn cây rừng  
Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba  
Tình yêu tự do mãi mãi  
Đất nước ào vỗ nhịp  
Triều biển chập chùng  
Hà Nội, Huế, Sài Gòn  
Ôm nhau nức nở  
Có người cầm súng bắn vào đầu  
Đạn nổ nhịp ba  
Không chết  
Anh ngồi nhòm dậy  
khoẻ mạnh lạ thường  
Bước ai thánh thót  
Nhịp ba  
Tình yêu  
Tự do  
Mãi mãi  
Tình yêu tự do mãi mãi  
Tình yêu tự do mãi mãi anh ơi

*Thanh Tâm Tuyên*

\* \* \*

Thấm thoát tính tới nay - Năm 2005 – đã vừa một nửa thế kỷ qua rồi. Anh em Sáng Tạo chúng tôi nay chỉ còn: Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyên và họa sĩ Duy Thanh.

Mai Thảo và họa sĩ Ngọc Dũng đã ra người thiên cổ!

## Chân dung Doãn Quốc Sĩ Võ Phiến



### Lời giới thiệu:

*Trong lãnh vực nghiên cứu văn học ở hải ngoại từ sau năm 1975, bộ Văn Học Miền Nam gồm 7 tập của Võ Phiến, dù gây nên nhiều tranh cãi sôi nổi và dù mắc một số hạn chế nhất định, vẫn là một trong những thành tựu lớn nhất. Nó không những giúp người đọc nhận diện một khía cạnh khác trong tài năng của Võ Phiến mà còn cung cấp cho người đọc một khối tài liệu đồ sộ và đáng tin cậy về một nền văn học ngỡ đã bị quên lãng: văn học Miền Nam từ năm 1954 đến 1975. Với ý nghĩa như thế, bộ Văn Học Miền Nam của Võ Phiến, đặc biệt tập đầu, “Tổng quan”, đã được đón nhận nồng nhiệt. Cuốn sách đã được tái bản nhiều lần.*

Văn học Miền Nam 54-75 không có phê bình, văn học Miền Nam đang bị tiêu hủy. Chưa hết. Chung quanh nó còn diễn ra lắm trò lố bịch: tôi muốn nói đến câu chuyện “văn học giải phóng Miền Nam”. Nhà nước cộng sản dựng lên một nền văn học, cho cán bộ nghĩ ngớ om sòm về nền văn học ấy, cố gây ra cái cảm tưởng đây mới là nền văn học chân chính của Miền Nam, là tiếng nói tự do của nhân dân Miền Nam; còn bao nhiêu sách báo xuất hiện trên khắp lãnh thổ Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào trong vòng 20 năm qua không phải là văn hóa phẩm đâu, đó là những món sản xuất theo lệnh của CIA cả đấy. CIA sai khiến ngục quyền, ngục quyền sai khiến bồi bút viết cái nọ cái kia, cái thì gieo rắc chủ nghĩa hiện sinh, cái thì mô tả cảnh dâm ô đồi bại, cái thì xúi giục chống cộng v.v..., tất cả cùng nhằm một mục đích đầu độc quần chúng làm hại nhân dân cả.

“Văn học giải phóng” mới là văn học chân chính của Miền Nam, (*Văn học giải phóng Miền Nam*, nhà xuất bản Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội, 1975.) ông Phạm Văn Sĩ viết một cuốn sách về nền văn học ấy,<sup>[3]</sup> trong sách ông cẩn thận dành ra một phần phụ lục để thóa mạ “văn nghệ vùng tạm chiếm”. Đáng tiếc là không có phần nào dành nói về việc tạo thành văn nghệ giải phóng. Bởi vì việc đánh tráo một nền văn học tất nhiên ngộ nghĩnh, mà sự chế tạo nên một nền văn học cũng kỳ kỳ, đáng nói lắm chứ, không sao?

Xem nào, văn học giải phóng là do những ai? Ông Phạm Văn Sĩ kể ra những tên như: Nguyễn Đức Thuận, Thanh Hải, Giang Nam, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Huỳnh Minh Siêng, Trần Bạch Đằng, Anh Đức, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Trung Thành, Phan Tứ, Nguyễn Vũ v.v... Ông không chịu nói ra cái điều lý thú này: là tất cả những kẻ vừa kể trên đều được phái từ ngoài Bắc vào. Những kẻ mới lớn lên thì được đảng dạy dỗ cẩn thận, cũng có người được cho đi rèn luyện tận



bên Tàu bên Nga, có người là con ông cháu cha, xuất thân từ gia đình đảng viên cao cấp, bố là yếu nhân trong chính phủ. Hạng cao niên hơn thì lại là những văn nghệ sĩ đã có tên tuổi ngoài Bắc, đổi tên đổi họ, hóa thân làm người mới: Lưu Hữu Phước hóa làm Huỳnh Minh Siêng, Nguyễn Văn Bổng hóa thành Trần Hiếu Minh, Nguyễn Ngọc hóa ra Nguyễn Trung Thành, Bùi Đức Ái thành ra Anh Đức, Trần Bạch Đằng làm Hường Triều, làm Hiếu Trường, Lê Khâm hóa thành Phan Tứ, Nguyễn Ngọc Tấn thành Nguyễn Thi v.v...

Bảo rằng những văn nghệ sĩ ấy gốc từ Miền Nam nên những gì họ viết ra có thể cho vào văn học Miền Nam? - Nếu thế thì tác phẩm của *Doãn Quốc Sỹ*, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương v.v... phải trả về văn học Miền Bắc cả?

Lại bảo rằng những người gốc Nam kia đã trở về sáng tác ngay tại Miền Nam cho nên rất có thể cho vào văn học Miền Nam? - Những cán bộ kia chợt ra chợt vào chưa hẳn đã viết ở trong Nam. Mà giả sử họ có ở lại hẳn trong Nam một thời gian<sup>[4]</sup> thì lại vẫn là chuyện kỳ cục. Hãy tưởng tượng trường hợp chúng ta đưa nhạc sĩ Phạm Duy ra thả dù ở một vùng biên giới Hoa Việt nào đó, đổi tên làm ông Trần Doai, thi sĩ Tú Kếu đổi làm Tú Cối, các nhà văn Trần Dạ Từ, Doãn Quốc Sỹ v.v... thành những ông Phạm Nhật Nghiêm, Hồ Hải Dương v.v..., rồi trốn nấp trong khoảng núi rừng Bắc Việt, cứ cất lên đều đều tiếng nói của nhân dân cách mạng, nhân dân giải phóng Miền Bắc, được chẳng? Lại thử tưởng tượng ngày trước chúa Nguyễn bồng có ý kiến đưa Đào Duy Từ ra Đàng Ngoài? Vâng, bình thường thì Đào Duy Từ cứ ở Đàng Trong; lấy vợ sinh con đều đặn, ăn lộc chúa Nguyễn, lãnh quan tước Đàng Trong, đến một lúc nào đó chúa Nguyễn thấy “nhân dân” Đàng Ngoài cần lên tiếng bèn hạ lệnh cho Đào Duy Từ mang tay nải lên lút trở ra Bắc, đào cái hầm thật sâu nấp thật kín, rồi ngồi dưới đó cất lên tiếng nói giải phóng của toàn thể nhân dân Đàng Ngoài. Người của Đàng Ngoài sáng tác ngay trên lãnh thổ Đàng Ngoài đấy mà. Được chẳng?

Nghe chuyện như thế chúng ta ở Miền Nam bỏ lê bỏ cày ra mà cười, rồi xúm nhau đàn ngang cung, xúm nhau làm thơ chưa thơ đen thơ xám v.v... Thế là hồng.

Người cộng sản không cười. Họ trịnh trọng trình bày vấn đề. Xong, họ trịnh trọng đưa hai tay lên ngang ngực vỗ lép lép; tất cả cùng vỗ tay theo. Mọi người nhất trí, họ tiến hành kế hoạch. Chuyện kỳ cục đến đâu họ cũng làm được. Họ làm ra mặt trận giải phóng Miền Nam bằng người của họ, họ làm ra chính phủ giải phóng Miền Nam bằng người của họ, họ làm ra quân đội giải phóng Miền Nam bằng người của họ, tại sao họ không làm ra được một đội ngũ văn nghệ sĩ, một nền văn học giải phóng Miền Nam bằng người của họ mang vào, sau khi đã dạy dỗ kỹ càng và tiếp tục “lãnh đạo”, kiểm soát chặt chẽ. Và lại trong một xã hội mà người quốc trưởng có thể lần lượt đội hết tên này đến tên kia, ký hết “bút hiệu” này đến “bút hiệu” nọ, viết sách tự ca tụng mình inh ỏi, tự tăng bốc mình lên tới mây xanh, cho in đi in lại phổ biến tưng bừng khắp nước, như thế mà vẫn đẹp mặt như thường,<sup>[5]</sup> thì văn nghệ sĩ thay đổi vùng để kể xấu đối phương có gì là kỳ cục đâu? Làm được tất.

Họ làm một cách trịnh trọng, không cười, và thế giới Tây phương trịnh trọng ghi nhận những gì họ nói họ làm. Do chính sách tiêu diệt tàn tích văn hóa Mỹ ngụy, một ngày kia dần dần không ai tìm thấy sách của Chu Tử, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương để đọc nữa, không ai nghe nói đến Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn... nữa, những tên tuổi ấy mỗi lúc một phai mờ, trở nên mơ hồ, rồi tác phẩm của Phạm Văn Sĩ tái bản sẽ lặng lẽ bỏ đi phần phụ lục. Lúc bấy giờ khi cần biên khảo về văn học Việt Nam thời kỳ 1954-75, với tài liệu sách báo do nhà nước Việt Nam phổ biến rộng rãi, cung ứng đầy đủ, các học giả Tây phương tha hồ hăng hái nghiên cứu về cái văn học giải phóng như là nền văn học chân chính, nền văn học duy nhất của Miền Nam Việt Nam, với những tác phẩm sáng chói kể chuyện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, chuyện “tục ăn thịt người” ở Miền Nam<sup>[6]</sup> v.v... với những văn nghệ sĩ cách mạng Nguyễn Trung Thành, Trần Hiếu Minh, Huỳnh Minh Siêng v.v... thường thường nhất trí

quan điểm với những nghệ sĩ cách mạng Miền Bắc Nguyễn Ngọc, Nguyễn Văn Bổng, Lưu Hữu Phước. Và đối với Tây phương sẽ chỉ còn có nền văn học ấy ở Miền Nam. Chúng ta thấy hài hước? Thật hài hước chết người.

Vì những chuyện như thế, rốt cuộc đành miễn cưỡng viết cuốn sách này trong những điều kiện rất không nên viết. Viết như là một sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý, nhắc nhở, một cách nêu vấn đề, để sau này những người có đầy đủ tư cách và điều kiện sẽ viết lại một cuốn xứng đáng.

\*\*\*

Tôi ngờ rằng không hẳn thế. Không hẳn có chuyện thế hệ sau hờ hững với lịch sử. Chỉ có chuyện mỗi thế hệ chú ý đến một thời kỳ lịch sử khác nhau. Hồi tiền chiến hầu hết các tác giả viết về lịch sử (hoặc tiểu thuyết hoặc truyện ký) đều xúm nhau khai thác giai đoạn Lê mặt Nguyễn sơ. Phải chăng vì đó là một thời tương đối gần gũi, còn gây nhiều xúc động trong lòng người? hay vì đó là một thời mà sử học cung cấp được nhiều tài liệu hơn cả? Thế nhưng sau Cách mạng Mùa Thu 45 họ Lê hay họ Mạc hay họ Nguyễn đều vụt trở nên quá xa xôi. Thế hệ này tha thiết đến một cái lịch sử gần hơn, sôi động hơn, mà chứng liệu lại khỏi phải tìm tòi trong sách vở: cái lịch sử dân tộc từ cuối thời Pháp thuộc về sau.

Có phải vì vậy mà vào thời kỳ văn học 1954-75 có bao nhiêu là tác giả muốn viết những bộ trường thiên tiểu thuyết về giai đoạn lịch sử này? Trường thiên tiểu thuyết hóa thành một cảm dỗ. Đại khái bấy giờ có chừng sáu bộ nổi tiếng, có bộ đã hoàn tất, có bộ còn dở dở, trong đó bốn bộ liên quan đến đề tài vừa nói: *Giòng sông Thanh Thủy* (3 cuốn) của Nhất Linh đề cập tới những hoạt động tiền khởi nghĩa bên Tàu, *Khu rừng lau* (5 cuốn) của Doãn Quốc Sỹ, *Vẻ buồn tình lý* (6 cuốn) của Duyên Anh, và bộ ba *Hoa bướm bướm*, *Như cánh chim bay*, *Tiếng ca lặng lẽ* (chưa in) của Võ Hồng là từ Cách mạng Mùa Thu về sau. Ngoài ra, Bình Nguyên Lộc cũng có một bộ trường thiên tiểu thuyết bắt đầu từ 1942, tức bộ *Phù sa*, chưa hoàn tất, nói về chuyện mở đất của miền quê ông, cũng là một thứ lịch sử. (Bộ thứ sáu, *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh là tâm lý tiểu thuyết, không liên quan đến các sự kiện lịch sử.) Khi người ta đã quá tha thiết, quá xem là quan trọng một thời kỳ nào đó, thì chắc chắn không còn mấy hứng thú mần mò chuyện cũ các thời khác. Sau 1945 kẻ lên voi người xuống chó, kẻ chột thấy ánh sáng chói lòa người nhìn ra địa ngục tối om om, kẻ hồ hởi người lợm giọng, tất cả đều để hết tâm hồn vào hiện tại. Thế hệ sau 1945 bị hiện tại thu hút đến mê mẩn tinh thần, họ say mê hiện tại, bám dính lấy hiện tại, không thiết dựng lại dĩ vãng: chuyện tản mẩn ấy bấy giờ không phải là lúc nghĩ đến. Có lẽ thế chăng? Tuy vậy, tôi không hề bảo rằng những pho truyện vừa kể trên đây cũng là một thứ lịch sử tiểu thuyết về thời hiện đại. Cùng viết về một đề tài, mỗi tác giả nhằm một chủ đích khác nhau.

Nhất Linh chẳng hạn. Trong *Giòng sông Thanh Thủy* ông theo dõi từng nhân vật, nhằn nha với một mối tình, phân tích tâm lý, tìm hiểu động cơ tham gia và thái độ hoạt động của mỗi đảng viên cách mạng, động cơ nhiều lúc chẳng ăn nhằm gì với lòng yêu nước. Cái chính yếu ở đây là tâm lý. Nhất Linh hậu chiến trước hết là một tiểu thuyết gia thuộc khuynh hướng tâm lý, bất luận ông viết về đề tài gì.

Còn Doãn Quốc Sỹ, ông làm chúng ta nghĩ đến một nhân vật của ông: Khiết. Khiết “kiên trì theo con đường văn hóa”, nhưng “đã trót đi vào con đường chính trị, biết những ngõ ngách của nó, âu cũng thành nghiệp chướng của mình, khó bỏ lắm.”<sup>[8]</sup> *Khu rừng lau* phơi bày cái hiểm ác của chế độ này, lật trần nền độc tài nọ. Thái độ chính trị của tác giả luôn luôn hiển lộ trong tác phẩm. Tuy vậy, ông Doãn cũng như Khiết, trước sau “kiên trì theo con đường văn hóa”: Ông chê cái này chống cái nọ vì nó xấu nó ác. Mà ông thì nhất tâm phục vụ cái thiện cái mỹ. Thiện

tâm thiện ý của tác giả tỏa ra khắp tác phẩm: trong các truyện của ông, nhân vật nào cũng tốt, việc gì cũng có khía cạnh hay. Ông bắt lực không tạo nổi người xấu, kể nổi việc xấu. Đọc sách ông, thơm tho cả tâm hồn. Truyện ông Doãn vừa có luận đề chính trị vừa có chủ tâm giáo dục.

## Về Doãn Quốc Sỹ

(...trích *Cát Bụi Chân Ai – Tô Hoài*)



Đêm Nôn năm ấy, đi chơi với một người khách trẻ măng không biết tên và trong tối sáng nhấp nhem, cũng không hẳn tường mặt. Những ngọn đèn đường chỉ rình tắt, sắp báo động. Suốt chiều, chốc chốc tiếng loa: Máy bay địch cách Hà Nội sáu mươi ki lô mét... ba mươi ki lô mét... hai mươi ki lô mét... Khách trẻ trung, trắng trẻo vẻ búng ra sữa, giọng Hà Nội nhỏ nhẹ, áo va rơi dạ mặc ngoài, mũ bông có tai ấm. Cũng như chúng tôi, cái bóng bù xù đi trong đêm đông lạnh. Nhưng mà khác chúng tôi.

Những bước thong thả trên đường khuya. Lúc này chỉ còn lại đám người vun quanh khu nhà thờ Hàng Trống và mấy cửa hàng Thủy Tạ, Phú Gia mở cửa trắng đêm đón người chơi Nôn. Đâu ai có thể tưởng cái anh chàng non tuổi ấy là một giặc lái bay cùng tốp với phi công Phạm Phú Quốc vượt vĩ tuyến ra đánh nông trường Tây Hiếu ở Nghệ An. Tin tức Sài Gòn tâng bốc rùm beng phi đội Việt Nam Cộng Hoà anh hùng đầu tiên ném bom miền Bắc. Nhưng cảm miện hèn về chiếc máy bay rơi này.

Chúng tôi thường viết bài cho mục phát thanh của quân đội nói với thính giả miền Nam. Đọc tài liệu, giấy tờ bắt được ở chiến trường, trò chuyện với phi công tù binh Mỹ. Có lần, tôi vào làng La Cả uống rượu ăn thịt chó với đại tá Phạm Văn Đính, đại tá Vĩnh Phong - người hoàng tộc đã ra hàng quân giải phóng ở điểm cao Cồn Tiên Dốc Miếu. Hai sĩ quan hàng binh này sơ tán ở một nếp nhà tranh của quân đội ẩn trong lùm cây ổi cây nhãn giữa làng. Thỉnh thoảng, kéo nhau ra thị xã Hà Đông sắp hàng mua bia hơi. Có người đến thăm, khói bếp thịt chó nghi ngút cả ngày

Tôi cũng thường đọc trên đài một Thư Hà Nội gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, Đôi mắt của Hiền, cô Hiền ấy, con gái bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên. Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ tản cư ra Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và các nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, được tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng

có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà Doãn Quốc Sỹ viết chửi cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói cùng quê của anh.

## Không tâm trong thiền học

Xin thưa ngay: dùng ngôn ngữ hữu hạn của tha nhân để nói về Thiền thật chẳng khác nào muốn vồ bướm bằng cành tre, muốn đựng mây hồng trong hộp sắt. Do đó xin quý vị thông cảm trước mà thứ lỗi cho những sai sót lời bất cập ý! Ôn lại thuở xa xưa, tôi chẳng nhớ mình đã để ý đến Thiền từ bao giờ, chỉ biết chắc rằng những ý tưởng nhuộm màu Thiền đã nhật tích nguyệt lũy thấm dần vào tôi như những giọt nước rơi liên tục làm lổm phỉến đá. Trên các sách báo, gặp bất kỳ đoạn nào bài nào nói về Thiền tôi cũng đọc. Rồi cái gì hợp với mình thì nhớ-- nhiều khi chỉ nhớ mang máng -- còn cái gì rơi vào quên lãng ắt là những cái vô bổ với tạng mình! Tôi vẫn nghĩ một cách chủ quan rằng thái độ học Thiền như vậy mới thật là .. Thiền! (Nghĩa là hồn nhiên, vô tư, thanh thân!)

Nhớ lại mùa hạ 1967 tôi đương theo học tại FSU (Florida State University) -- tại ngay Tallahassee, thủ phủ Tiểu Bang -- và đã được một người bạn Mỹ yêu đạo Phật tặng cho cuốn sách Thiền xinh xinh mang tên Zen Buddhism xuất bản tại New York năm 1959. Lần đó tôi được đọc những giai thoại dí dỏm về Thiền giữa màu sắc bừng sáng của những loại hoa cúc, hoa hải đường, hoa đỗ quyên (azalea)... phảng phất mùi hương thanh thanh của hoa mộc lan (magnolia). Đôi khi vào dịp cuối tuần tôi ngồi đọc say sưa dưới bóng rừng ngợp màu rêu, loại rêu ngan ngát tím bao phủ lấy các cành cây và rũ xuống như tơ liễu. (Quý vị nào đã từng ở hoặc có dịp qua thăm Florida, hẳn còn nhớ phong cảnh với những màu sắc đặc biệt này của miền Nam nước Mỹ). Những dụ ngôn, những giai thoại về Thiền được đọc vào dịp đó, trong khung cảnh đó, đã giúp tôi suy tư và tự khám phá thấy cái bất lực thâm của lý trí đơn thuần.

Dòng đời như dòng sông không một sát-na nào ngừng trôi chảy. Nô lệ cho lý trí đơn thuần, ham cất xén thì chỉ thấy được cái ngưng đọng, cái chết! Nhưng khái niệm con đê của lý trí chật hẹp và khô cứng kia làm sao chộp được dòng thực tại không ngừng, triền miên trong thế tương sinh tương lập -- đối tượng của Thiền?!

Mỗi chúng ta là một que diêm sáng! Không ai sáng hộ ta -- ta phải tự sáng lấy, tự chiêm nghiệm lấy Thiền! Que diêm khi tắt đi, chút khói xanh để lại... Rồi chính chút khói xanh đó cũng tan loãng nốt và biến hẳn -- như vết chân cát xóa! Tuy nhiên cũng nên chộp lấy chút ít khói xanh còn trong giây phút phiêu lãng đó -- bởi dù cho khái niệm không chuyên chở được thực tại, nhưng người ta vẫn có thể nương vào khái niệm để tìm đến thực tại. Vì vậy vào năm đó tôi mới quyết tâm viết tập sách mang đầu đề VÀO THIỀN và cho xuất bản lần đầu vào năm 1970 -- thậm thoát cách đây đã ngót 30 năm -- trên một phần tư thế kỷ rồi.

VÀO THIỀN cuốn sách mỏng xinh có 60 trang, thuở đó khi vừa được ấn hành đã được độc giả đón nhận nồng nhiệt -- và tôi đã phải cho tái bản lại khoảng năm, sáu lần trong vòng chưa đầy hai năm. Tôi xin thuật lại một vài giai thoại trong tập VÀO THIỀN đó.

### 1. Một Cách Đạt Ý Vô Ngôn Hào Diệu

Một thiền viện mới được thành lập, thiền sư Hyakujo cần tuyển chọn một người để trông nom thiền viện đó. Tiên sinh cho gọi đám môn đệ tới, chỉ một chiếc bình chứa đầy nước và nói.

"Trong các con, liệu có ai giải thích được cái này là cái gì mà không cần gọi đến đích danh nó?"

Thiền sinh trưởng phòng được phép phát biểu trước.

Anh chàng nói:

"Nó đứng thẳng, nó rỗng lòng nhưng nó chẳng phải là chiếc giày bằng gỗ!"

Một thiền sinh khác dùng lời gợi ý.

"Nó chẳng phải là cái ao, bởi người ta khênh nó được!"

Thiền sinh em út phụ trách việc bếp núc, lẳng lặng đứng lên lấy chân đạp chiếc bình vỡ lăn chiêng, nước tung tóe ra sàn. Một cách đạt ý vô ngôn hảo diệu! Ý thức dính liền với thực tại khi bình vỡ lăn chiêng, khi nước chảy lênh láng! Su phụ ưng ý! Thiền sinh được cử trông coi thiền viện!

## 2. Chân Không Diệu Hữu.

Nói đến Thiền là nói đến Không Tâm. Nhưng xin đừng quên phần đi song hành với Không tâm là diệu hữu. Bởi vì nếu chỉ đơn thuần có không tâm thôi thì đó là ngoan không, cái không trống rỗng, không có gì.

Một thiền sinh trẻ tuổi kia, lần đầu tiên tới thăm một thiền sư. Vừa ngồi xuống anh chàng đã huênh hoang lấy le, cất giọng thao thao.

"Làm gì có tâm, làm gì có trí, làm gì có thân xác! Làm gì có thiện, làm gì có ác! Thầy chẳng có, trò cũng không, chẳng có cái cho đi, chẳng có cái lấy về, có cái gì trên đời này mà là thật đâu? Cái chính thật là Hư Vô!"

Vị thiền sư ngậm ống điếu bình thản ngồi nghe, không thốt nửa lời. Chợt tiên sinh với lấy chiếc roi bắt thần giáng xuống một cái thật mạnh lên người thiền sinh.

Thiền sinh hốt hoảng vùng dậy, không giấu được vẻ giận dữ, nhưng còn lúng túng chưa biết nói sao.

Thiền sư điềm tĩnh cất lời:

"Nếu quả thực chẳng có gì trên đời này là thực và tất cả là hư vô thì sự giận dữ của người từ đâu đến? Hãy suy nghĩ thêm về điều đó!"

Thiền sư ắt hẳn đã muốn dạy thiền sinh đệ tử bài học về Chân Không Diệu Hữu -- đồng thời còn hàm ý nhắc lại tinh thần phá chấp của Thiền.

Từ xưa Không tâm vẫn là một trong nhiều đề tài cơ bản trong Thiền Học.

Để minh họa thế nào là Không tâm xin được nhắc lại ba giai thoại về Không tâm như sau.

Giai thoại Một:

Có hai thiền sinh, sau khi đã hoàn tất nhiệm vụ sư phụ giao phó, đương cùng đi sát cánh bên nhau trên đường về. Cả hai vui vẻ đàm thoại về một vài đề tài quen thuộc gần gũi với nếp sống hàng ngày.

Chợt cả hai ngừng nói chuyện! Phía trước mặt một thiếu nữ xinh đẹp bỗng mới tinh đương đứng khựng trên vỉa hè, nhìn thẳng xuống bên dưới mặt đường ngập nước. Rõ ràng nàng đang lúng túng không biết làm cách nào qua được bên kia đường để trở về nhà mà không bị vấy bẩn bần nước.

Thiền sinh A lẳng lặng tới bế nàng trên hai cánh tay, bước xuống lội qua khoảng bần nước, đặt nàng sang bên vỉa hè cao ráo để sau đó nàng thành thoi cất bước trên đường về.

Suốt trên quãng đường còn lại trở lại thiền viện, thiền sinh B không tươi vui trò chuyện với người bạn như rồi nữa, trái lại khuôn mặt đăm chiêu cố nén điều bực bội. Không khí im lặng thật nặng nề!

Chỉ còn một quãng đường nhỏ nữa là về đến Thiền viện, thiền sinh B không thể nhịn nổi hơn được nữa bèn cất giọng vô cùng bất mãn thống trách thiền sinh A.

"Tôi xin hỏi đạo hữu. Là một người tu hành mà đạo hữu đi bế một thiếu nữ đẹp trên tay - qua quãng đường lội, đặt nàng sang bên kia đường. Như vậy coi được không?"

Thiền sinh A vẫn giữ nguyên vẻ bình thản -- rất Thiền -- chỉ hơi mỉm cười đáp lại:

"Đạo hữu ơi - tôi đã giúp nàng qua khoảng lầy lội rồi! Đặt nàng sang bên kia đường để nàng trở về rồi! Ai ngờ đạo hữu còn tiếp tục công nàng về đến tận đây!"

Quý vị vừa chứng kiến trường hợp một Không tâm hàm ngụ thái độ hồn nhiên, bình thản. Giúp người xong, giữ lòng buông thả, thung dung!

Đúng với bài thơ Thiền tứ tuyệt

Nhạn quá từng không  
Ánh trầm hàn thủy  
Nhạn vô di trích chi ý  
Thủy vô lưu ảnh chi tâm  
Tôi dịch sang thơ Việt như sau  
Nhạn vỗ cánh cao bay miết mãi  
Hình nhạn chim dưới đáy nước kia  
Nhạn nào lưu dấu làm chi  
Nước trôi cũng mặc kẻ đi người về

Giai thoại hai:

Giai thoại này minh họa về Không tâm trong một trường hợp đặc biệt như sau:

Hôm đó vị Thiền sư có một người bạn đến chơi. Người bạn nói là đến để hỏi ý kiến về một chuyện cần giải quyết.

Nhưng từ lúc được mời ngồi xuống trước bàn trà, người bạn nói chi hồ điệp về câu chuyện xảy tới đã làm mình thắc mắc Trong khi nghe người bạn tiếp tục thao thao bất tuyệt như vậy, thiền

sư lẳng lặng đặt một tách trà trước mặt bạn và bắt đầu rót trà... Tách trà đầy tràn... đầy tràn... Thiền sư vẫn tiếp tục nghiêng bình rót... rót hoài...

Người bạn phải tạm ngưng câu chuyện để nhắc thiền sư:

"Kìa, đạo hữu không thấy tách trà đã đầy tràn rồi sao?"

Thiền sư vẫn nghiêng bình tiếp tục rót, mỉm cười đáp:

"Thì nào có khác gì đạo hữu tới hỏi ý kiến tôi - rồi cứ tiếp tục nói hoài về những ý kiến của riêng đạo hữu."

Vậy đó! Với trường hợp này thiền sư khuyên chúng ta hãy giữ cho được không tâm, tránh đầy ắp tư kiến! Có vậy mình mới có cơ hội lãnh hội trọn vẹn những gì người đối thoại muốn truyền đạt cho mình! Hãy như chiếc chén rỗng - sẵn sàng tiếp nhận nước trà thơm ngát rót vào!

Giai Thoại Ba

Giai thoại ba giải thích sâu xa hơn nữa, tinh tế hơn nữa về không tâm. Một chàng trai trẻ tự cảm thấy mình có đạo tâm, tới bái yết một thiền sư xin làm môn đệ của ngài.

Thiền sư nói với chàng trai:

"Con hãy về bỏ hết, không còn giữ một chút gì trong lòng, rồi hãy đến đây xin thọ giáo ta!"

Sau đó chàng trai đã nhiều lần tới trình diện, thưa với thiền sư là mình đã thực hiện không tâm, đã rũ bỏ hết rồi, không còn giữ một chút gì trong lòng. Nhưng chàng trai vẫn bị thiền sư từ chối và nhắc lại:

"Con về rũ bỏ cho thật hết đi, rồi hãy tới đây!"

Sau cùng chàng trai đành thống thiết cung kính trình lại với thiền sư:

"- Thưa thầy, con thực tình đã trút bỏ hết rồi mà không hiểu sao Thầy vẫn chưa cho con được nhập môn?!"

Thiền sư giữ nguyên thái độ bình thản đáp:

"Con phải rũ bỏ cả cái biết mình đã rũ bỏ mới thực là rũ bỏ hết!"

Thật đúng với ý nghĩa câu: Bồ tát không biết mình là bồ tát mới thật là bồ tát!

Bình thản, hờn nhiên, vô tư của Không tâm trong Thiền học là như vậy đó! Nào khác gì chuyện Kosen tiên sinh chuẩn bị viết mấy chữ đại tự để sẽ cho khắc trước cổng lớn ngôi đền Oaku tại Kyoto. Tiên sinh phải viết những chữ đó lên giấy, rồi từ giấy khắc vào gỗ. Một đệ tử ngồi hầu, mài mực và chăm chăm muốn được theo dõi nghệ thuật bút thiếp của thầy. Điều này làm thiền sư cảm thấy tâm trạng bất an làm sao ấy.

Lần đầu, tiên sinh vừa viết dứt, người đệ tử lắc đầu:

"Thưa thầy chưa được!"



Tiên sinh sử dụng bút đại tự lần nữa. Người đệ tử nói:

"Thưa thầy lần này còn tệ hơn lần trước!"

Tiên sinh viết lại lần nữa... Cứ như vậy tới lần thứ sáu mươi tư thì thực là bút cùn mực cạn!

Thấy mực gần hết, người đệ tử chạy vào nhà kiếm thêm. Còn lại một mình, không bị phân tâm bởi cái nhìn soi mói của kẻ ngồi bên, tiên sinh chấm bút vào nghiên, dùng chút mực ít ỏi còn lại thành thời phóng bút lần cuối cùng.

Vừa lúc người đệ tử trở lại, ngắm hàng chữ còn tươi nét mực và reo lên:

"Thưa thầy, thật là tuyệt bút!"

Nào có khác chi chuyện con rết đương nhịp nhàng bò lan lẹ qua đây qua đó, bỗng gặp con cóc tinh nghịch hỏi đùa:

"Này chị rết, chị bò lê như vậy thì chân nào trước, chân nào sau nhỉ?"

Thế là nàng rết ta bị phân tâm trở thành vụng dại, nằm bò lê bò càng dưới rãnh, cố ý nghiên cứu phân tích tìm hiểu xem chân nào chuyển động trước, chân nào chuyển động sau... Tội nghiệp!

Vâng thưa quý vị -- bình thản, hồn nhiên, vô tư trong Thiền học là như vậy đó!

Nếu phải dịch Không tâm sang Anh Văn, tôi sẽ chọn danh từ Equanimity chỉ sự điềm tĩnh, thanh thản, hồn nhiên trong sáng!

Tới đây chúng ta cần minh xác lại một điểm cuối cùng nữa để tránh ngộ nhận:

Không tâm không hề là ngoan không!

Ngowan không là cái trống rỗng, không có gì! Trái lại Không tâm trong Thiền học là Không tâm diệu hữu! Không tâm để có được thái độ phá chấp, thức tỉnh, hồn nhiên -- do đó mới thoát được mọi ngã chấp, ngã mạn -- mà bình thản tiếp nhận sáng suốt tất cả những gì xảy đến, ngộ hầu có thể bình tĩnh giải quyết, bình tĩnh đối phó hữu hiệu, hợp tình hợp lý trong hoàn cảnh đó.

**Doãn Quốc Sỹ, kẻ sĩ thời đại chúng ta**  
**Nguyễn Mạnh Trinh**





Với nhiều người bản xứ , hình như dư âm của cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn còn nên văn chương và văn hóa Việt nam được đặc biệt chú ý. Tôi có một người bạn cùng lớp Creating & Writing học viết văn người Mỹ gốc Ý rất thích thú với văn chương Việt nam. Một bữa anh khoe với tôi tuyển tập “ Việt Nam: A traveler’s literary companion “ do John Balaban và Nguyễn Quý Đức chủ biên và rất đặc biệt chú ý tới nhà văn Doãn Quốc Sỹ với truyện ngắn “ The Stranded Fish” ( Con cá mắc cạn). Anh còn khoe đã được dự một cuộc seminar với hai giáo sư Doãn Quốc Sỹ và Lê Hữu Mục tháng 6 năm 1999 tại University St Thomas ở Houston với đề tài “ Living Two Cultures : A conference for Vietnamese – Americans”. Và anh hỏi tôi một câu : Bạn nghĩ thế nào về nhà văn Doãn Quốc Sỹ . Nhà văn ? Nhà giáo ? một người hoạt động chính trị? Hay một người yêu nước bị chế độ đương thời đầy ải khi ở trong nước? Và một nhà văn luôn hướng về tương lai ở hải ngoại ...

Có một người đã làm thơ để dường như trả lời giùm cho cá nhân tôi. Những câu thơ gợi ý và lấy từ những nhan đề của tác phẩm mà nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã viết trong suốt hơn một nửa thế kỷ cầm bút :

*” Dòng sông định mệnh”, thiên thu  
“ Sầu mây” còn đĩnh mịch mù dương gian  
nước non mấy nẻo quan san  
lốc quay thời thế gian nan một đời  
Đến .Đi . Đi .Đến. ngược xuôi  
Quê hương. Đất lạ . chỗ ngồi bụi không.  
“ Khu rừng lau” lửa mệnh mông  
“ U hoài “đâu tiếng bên sông gọi buồn.  
Đường ranh lịch sử mỗi mòn  
“ Ba sinh “ còn tác “lửa hương” chập chờn  
ngã tư bước rẽ không hòn  
lưu lạc nào để mắt còn hoang mang  
“ Đàm htoại, độc thoại “ từng trang  
“ Tinh yếu thánh hóa” trường gian mấy nguồn  
biển khơi nào rã rêu rong  
ai trắng lụn tưởng nền chong dậm ngoài  
“ Giữ ngọc “thôi cũng “gìn vàng”  
sốt thiên lương với ngõ ngàng tâm tư  
“ Vào thiên “ giây phút hoại hư  
kiết già ngục tối mắt tù chăm chăm  
trong tâm linh thoảng hương trầm*

*trong lênh đênh có lời thắm đĩnh ninh  
Thì thôi, ” Minh lại soi mình”  
“ Dấu chân cát xóa bóng hình nổi trôi  
“ người vái tứ phương”, một đời  
hoa thơm ngát để một trời mộng mơ  
kinh vạn quyển thiếu một tờ  
chữ vô tự néo mịt mờ muôn năm  
Tâm ai vắng vạc trắng rằm  
Lời ca dao vẫn tiếng ngâm triêu đời”*

Bài thơ đầy những Dòng sông định mệnh, Sầu mây, U hoài , Vào thiên , Khu rừng lau , Ba sinh hương lửa , Tình yêu thánh hóa , Đàm thoại độc thoại, Gìn vàng giữ ngọc , Minh lại soi mình , Dấu chân cát xóa, Người vái tứ phương , Đi,... và cũng nêu được tính chất riêng của một kẻ sĩ phương đông. Luôn luôn chân thành và tin tưởng vào cuộc đời ở những khía cạnh nhân bản tốt  
.....

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ sinh ra và trưởng thành trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt. Như một câu ví von của ông :“ Ba sinh hương lửa “ thành nhan đề của một tập trong trường thiên Khu Rừng Lau. Các nhân vật đã sống trong thời đại Pháp thuộc , Nhật thuộc, rồi việt minh , rồi đảng phái Quốc gia , rồi ở lại kháng chiến , rồi trở về thành phố mà thời ấy gọi là về Tề, bao nhiêu là biến chuyển , bao nhiêu là cảnh bể dâu. Rồi hiệp định Genève chia đôi đất nước , rồi chiến tranh tiếp diễn. .. Hình như , sống trong thời đại ấy , định mệnh đã đẩy con người đi vào những lối ngõ khác nhau và cho đến bây giờ , hàng triệu người lưu lạc xứ người và cuộc chiến vừa qua tới bây giờ vẫn còn hậu quả. Cuộc đời đầy những chuyển ra đi , rời quê Bắc vào Nam , rồi lại phải ra đi lần nữa. Lịch sử toàn là những chia ly tan tác .

Thế mà , ông viết văn trong cái tâm thái ung dung , dù đang trong cảnh tù giam bức bối. Vẫn thái độ tin vào mình , tin vào người , tin ở những điều tốt đẹp của cuộc sống. Độc giả khó tìm thấy những lời hằn học , những tâm trạng phẫn nộ . Viết văn, với ông là một phương cách của “ văn dĩ tải đạo “ Viết , như một cách để làm đời sống đẹp tươi thêm ...

Những lúc thấy những cảnh tráo trở tàn nhẫn của người đời với nhau, tôi lại nhớ những “ Gìn vàng Giữ Ngọc “ hay “ Chiếu chiếu hoa cạp điều “ ra đọc. Những lúc buồn nhớ về quê hương, tưởng tượng ra những Hà Nội, những Saigon, tôi đọc “ Dòng sông định mệnh” để thấy mình tìm lại cái rung động thuở nào khi đọc những câu thơ tả lại cảnh đạp xe theo một tà áo trắng những câu dễ thương“.. Em nghèo ta có giàu đâu. Tịch liêu đồ xuống đôi đầu ngón ngọc. Hơ đôi mắt em vờ tà áo. Áo trắng bong ào não hồn trinh. Lòng ta gợn gió ngây tình .Theo em nào biết chúng mình về đâu..” Và khi nào thấy đời sống có một chút gì sượng khố, tôi đọc “ Sầu mây”, “ Vào thiên “...

Có người nói rằng văn chương mà mang thời thế làm đề tài thường tuổi thọ không dài bằng những đề tài xoáy sâu vào chân dung con người muôn thuở. Viết về thời thế khó có tác phẩm lớn. Nhưng tôi lại có ý nghĩ khác. Không có đề tài nào giới hạn cho những tác phẩm lớn. Nếu có tài năng, nhà văn sẽ viết những tác phẩm bất tử bất kỳ đề tài nào. Huống chi, một thời đại đặc biệt của dân tộc Việt nam nếu mô tả những cơn lốc thời cuộc sẽ có biết bao nhiêu chân dung con người điển hình cho những nhân vật tiểu thuyết tuyệt diệu....

Hình như, trong tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ, thời thế đã đóng vai trò quan yếu và văn chương là những dấu hằn chẳng thể nào phai trong ký ức của dân tộc chúng ta.

Với “Khu rừng Lau”, những ngày kháng chiến chống Pháp được ghi chép lại với tất cả những

nỗi niềm của người yêu nước nhưng bị lừa gạt bởi những ý thức hệ ngoại lai. Một tiểu thuyết trường thiên vẽ lại cả một thời kỳ hoành tráng của lịch sử mà trong đó con người bị cuốn vào những cơn lốc dữ dội.

Với những truyện ngắn như “Chiếc chiếu hoa cạp điều” , hay “ Gìn Vàng Giữ Ngọc”, chân dung những con người tốt đẹp vằng vặc như trăng đã khiến nhà văn Võ Phiến viết lên một nhận xét :” đọc sách ông, thơm tho cả tâm hồn...”.Trong bất cứ hoàn cảnh nào , dù khốn cùng đến đâu, cái chất nhân bản vẫn rõ nét.

Quả thật, văn chương của ông bình dị không lên mặt dạy đời mà lại có sức thuyết phục . Thường thường , văn chương cũng như âm nhạc phải theo luật cân phương, có nghĩa là phải thể hiện được đời sống ở nhiều mặt tốt xấu và tất cả phải quân bình cân đối. Nhà văn thời danh Milan Kundera đã ví von công việc viết tiểu thuyết như soạn hòa âm,nhạc đề cũng cần phải có những dạo khúc hoặc những chuyển khúc và cân bằng nó là cả một vấn đề kỹ thuật tinh tế.

Thế mà, ở Doãn Quốc Sỹ, hầu như những nhân vật đều ám áp chất thiện ở trong . Ngay những nhân vật ở tuyến ác, cũng có nét khiến độc giả có thể bao dung được và không thể ghét bỏ hoàn toàn. Văn của ông, chuyên chờ một phần nào cuộc sống và ở đó , đời sống của người Việt Nam đã được phóng chiếu qua những cảnh ngộ đặc thù của một thời đại đặc biệt.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ là một khuôn mặt văn chương hàng đầu của hai mươi năm văn học miền Nam. Ông sinh năm 1923 tại ngoại ô Hà Nội lớn lên trong thời kỳ kháng chiến, dạy học ở Hà Nội và Nam Định, rồi di cư vào Nam năm 1954. Nghề chính của ông là dạy học và đã sang Hoa Kỳ tu nghiệp giáo chức trong hai năm. Trên bình diện văn chương, ông là một cây bút chủ lực trong nhóm chủ trương tạp chí Sáng Tạo và cũng là giám đốc nhà xuất bản cùng tên đã giới thiệu được nhiều tác phẩm có giá trị và nhiều cây bút tài hoa có khả năng.

Tác phẩm của ông gồm bộ trường thiên “Khu Rừng Lau” có bốn cuốn :Ba sinh hương lửa, Người đàn bà bên kia vĩ tuyến, Tình yêu thánh hóa, Đàm thoại ,Độc thoại ; truyện dài Dòng sông định mệnh, Sầu mây, Đốt biên giới; truyện ngắn Gìn vàng giữ ngọc, Cánh tay nói dài, U hoài, Gánh xiếc; tùy bút Vào thiên; khảo luận Người Việt đáng yêu;...

Sau năm 1975 , ông bị chính quyền Cộng Sản bắt giam hai lần và sau những cuộc can thiệp của công luận thế giới ông được trả tự do và định cư ở Hoa kỳ với người con trai lớn ở Houston, Texas.

Trường thiên “ Khu Rừng Lau” vẽ lại cả một thời kỳ nhiễu nhương của lịch sử Việt Nam. Đời sống của một lớp thanh niên tiểu tư sản được dựng lại trong cái phong cảnh hoành tráng của một đất nước không may trở thành nơi chốn đọa súc của những ý thức hệ quốc tế. Những nhân vật như Miên, Kha , Tân, Hiền , Hăng , Lãng, Khiết... từ lúc trưởng thành, tham gia kháng chiến chống Pháp ,rồi trải qua những ngày cải cách ruộng đất, trở về thành rồi di cư vào Nam , tất cả những quận mình của cả một thế hệ được nhà văn tạc thành tiêu biểu.

Tuổi tác họ chênh lệch nhau nhưng cùng có chung một mẫu số yêu đất nước như yêu tự do và cùng mong ước cho một ngày đất nước hùng cường .Hình như , họ có chung nỗi hoang mang của những người trí thức luôn đi kiếm tìm cho mình một con đường nhưng lại thấy bơ vơ khi chọn lựa. Ở với kháng chiến , thấy lòng yêu nước bị lợi dụng bởi những con người Bolcheviks tàn bạo vô nhân, về thành thì thấy giặc Pháp ngênh ngang, chính phủ quốc gia chỉ là cái bóng. Di cư vào Nam, thì chế độ độc tài và gây ra nhiều kỳ thị bất công.

Dòng đời trôi, qua bao năm tháng, chiến tranh lại tiếp chiến tranh, hết độc tài Cộng sản đến độc

tài gia đình trị, thế nước nghiêng ngửa như những cuộc đời ngã nghiêng theo. Bộ trường thiên này có lẽ là một phác họa lịch sử hoành tráng và tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam...

Nhưng đọc truyện ngắn của ông như “Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều” hay “Gìn Vàng Giữ Ngọc” mới thấy được cái Tâm vàng vạc của ông. Hoàn cảnh dù thế nào, con người dù ở trong cảnh ngộ nào, cái tình đối xử với nhau mới là quan trọng. Cái nghèo, cái khổ, cái đói không làm hạ giá trị được con người bằng sự tha hóa tâm hồn. Tình đời thường thay đổi cách ứng xử tùy theo giàu nghèo nhưng cũng có những trường hợp cá biệt như nhân vật xưng tôi trong “Gìn vàng giữ ngọc” hay “Chiếc chiếu hoa cạp điều” trờì làm loạn lạc, gây nhiều thảm cảnh nhưng con người với cái tâm hiền vẫn vói vọi đứng không quy ngã. Văn phong đôn hậu, chữ nghĩa thật thà đã có tác dụng ảnh hưởng đến người đọc. Bao nhiêu năm trôi qua, tôi mỗi khi đọc lại những chuyện ngắn này thấy đời sống dù sao cũng còn nhiều người tốt và không phải chỉ toàn là lang sói và lừa lọc như những bi hài kịch thường diễn ra mỗi ngày của thực tế đời thường...

Những năm 1984.1985, nhà xuất bản Lá Bối ở hải ngoại có in một tác phẩm “Đi” với tác giả Hồ Khanh. Cuốn sách đã tạo ra dư luận xôn xao một thời lúc đó. Được in ở hải ngoại và chính ông là tác giả mang tên Hồ Khanh để ngụy trang. Câu chuyện kể lại một chuyến vượt biên ở vào thời điểm mà cây cột đèn đường ở Sài Gòn cũng muốn xuống ghe tìm tự do như lời người dân ví von. Có những đại gia đình mấy chục người vui thân nơi Biển Đông sóng dữ và cũng không biết bao nhiêu người bị bắt giam tù tội cũng như biết bao nhiêu gia đình bị tan nát sống lang thang vỉa hè vì vượt biên không thoát. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã mang chính cuộc đời những con cháu mình để tạo thành một tác phẩm vẽ lại một thời kỳ cực kỳ đen tối của đất nước. Người dân bị đẩy vào những cảnh ngộ không lối thoát và đã mang chính sinh mạng của mình và gia đình mình đánh bạc với rủi may. Chính vì chất bi thảm nên động tới lương tâm nhân loại và rốt cuộc mới có những đợt thuyền nhân và bộ nhân tới định cư ở các nước tự do.

Riêng với tôi, tôi biết những chi tiết trong “Đi” thực tới một trăm phần trăm và hình như rất ít hư cấu. Tôi vượt biên cùng chuyến tàu với gia đình con cháu của nhà văn Doãn Quốc Sỹ nên khi đọc lại những trang sách thấy mồn một rõ những nhân vật với cả những cá tính và cả hoàn cảnh nữa. Khi thường đi lại với người bạn cùng Không Quân là con rể của bác Doãn Quốc Sỹ ở căn nhà ở con hẻm đường Thành Thái tôi đã thấy được đời sống tuy thanh bạch mà rất nghệ sĩ. Sau khi bác Sỹ mới được thả về lần thứ nhất và công an để ý, nhưng ở nhà các con vẫn tụ họp ca hát những ca khúc ngày xưa mỗi khi có bạn bè mặc kệ công an mặc kệ dò xét. Tôi nhớ có lần buổi tối ghé thăm thì thấy trước cửa con nít trong xóm bu đồng lại xúm xít để nghe ca nhạc. Dù đời sống lúc đó khá thiếu thốn nhưng vẫn đầy tinh thần lạc quan. Trong hoàn cảnh căng thẳng như lúc ấy, không phải là dễ để có những phong cách như vậy.

“Đi” đã mô tả rất thực hoàn cảnh gia đình nhà văn cũng như cuộc sửa soạn chuyến vượt biển và những ngày trên biển Đông nên có sự lôi cuốn từ người thực việc thực. Những lá thư của con cháu gửi về tả lại đời sống ở trại đảo cũng như ở xứ người biểu lộ tâm tư khá tiêu biểu của những người bị dồn vào thế phải bắt buộc xa quê hương. Ra đi mà vẫn ngoái nhìn về đất nước với những người thân còn ở lại. Riêng tôi, tôi có cảm nhận rằng tác phẩm được viết ra với một tấm lòng thương con thương cháu vô bờ. Người thường nếu có tâm tưởng như thế cũng có thể viết xuất sắc huống chi một nhà văn nổi tiếng là đôn hậu thì sự lôi cuốn độc giả sẽ lên đến mức nào!

Nhà văn Nguyễn Vũ chủ trương nhà xuất bản Văn Hóa hình như đang tiến hành việc in lại toàn bộ Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập. Công việc này quả thực rất hay và cần thiết nữa. Một nhà văn tư cách đức độ có những tác phẩm tiêu biểu nói lên tâm tư của một thế hệ có phải xứng đáng để chúng ta trân trọng thành những di sản cho những thế hệ sau này...

## Dạ Lý phu nhân

Năm Giáp thân (1344) niên hiệu Thiệu phong thứ IV đời Trần Dụ Tông, tại kinh đô có mở hội xem hoa vào dịp lễ Nguyên Tiêu, nhà nào nhà nấy treo đèn kết hoa, cảnh tượng thực là rực rỡ, dân chúng tụ các phường lân cận đổ về kinh kỳ dự hội đông như nước chảy. Sao lại có một thư sinh, dáng tư lự, thơ thần đi ra khỏi kinh thành?

Chàng thư sinh đó, nguyên họ Đặng, quê ở Trường An (Ninh Bình). Cha chàng trước đây làm quan thái thú ở Hồng Châu (Hải Dương), bị quan trên vây hãm, hạ nhục cả nhà, Sau một năm giam cầm, ông uất mà chết ngay trong ngục. Vừa khi đó có một viên quan họ Lý đổi về Hồng Châu. Lý công vốn người cương nghị chuyên coi về hình án. Vừa tới nhậm chức, ông xét lại bản án họ Đặng và rõ ngay nỗi oan khuất, vì vậy Đặng sinh cùng mẹ được thoát cảnh ngục trở về quê. Mùa xuân năm Quý Mùi, Đặng sinh xin phép mẹ lên du học kinh sư. Việc ăn tiêu giữa chốn phồn hoa đô hội quá tốn kém, nên mới sang đầu xuân năm sau, vừa một năm qua, tiền lưng đã hầu cạn. Vì vậy trong khi mọi người hớn hở chảy về kinh đô vui xuân, chàng ngược dòng dân chúng mà thơ thần đi sâu vào các vùng quê lân cận. Cứ như vậy chàng đi khỏi kinh đô chừng năm dặm, gặp một trang trại thật rộng, gần như bỏ hoang, Bên cạnh trại là một xóm nhà thưa thớt, chung quanh có lũy tre bao bọc. Trại cùng xóm nhà đều ở sát bờ sông Nhị. Đặng sinh vào nhà một bà cụ già trong xóm hỏi chuyện, được biết nơi đây thuộc phường Tiên Lập, và trại hoang trước kia là nhà dưỡng lão của quan thị lang họ Phùng, Khi vị này bị đổi đi làm quan thái thú tại trấn Tuyên Quang thì dinh cơ đó được bán cho một viên quan trong xóm. Thương gia này bận việc phương xa, nay đây mai đó luôn, nên trại tuy mua đã trên mười năm rồi mà chẳng hề tu sửa gì cả. Cụ già nói thêm cho Đặng sinh biết thương gia mới từ phương xa về được mấy ngày, có lẽ mai lên đường sớm.

Đặng sinh ngộ ý muốn đến tìm thương gia để thuê trại đó, vì chàng nghĩ mình nên chọn ở nơi này thanh vắng xa chốn kinh kỳ, vừa để dùi mài kinh sử vừa đỡ tốn kém trong việc chi tiêu. Chàng kính cẩn cúi đầu chào bà cụ, toan quay ra, chợt thấy bóng một nữ nhân vừa khuất dạng sau vườn dâu gần đấy. Đặng sinh linh cảm rằng mỹ nhân đứng nhìn trộm từ lâu, khi thấy chàng sắp quay ra mới vội lẩn đi, chàng chỉ thoáng kịp thấy vạt áo màu thiên thanh của nàng phát lại phía sau. Tuy chưa nhìn rõ mặt, nhưng Đặng sinh tự nhiên thấy lòng xúc động. Điều này khiến chàng tin rằng nàng đẹp lắm. Chàng băn khoăn tự hỏi : Quái, nơi thôn dã này sao có người con gái mặc màu áo quyền quý thế.

Đặng sinh bèn nán lại, khéo gợi chuyện, được biết thêm về gia thế bà cụ gồm chồng và một đứa con trai đã lớn, ngày nào cũng thả thuyền đánh lưới theo ven sông từ sớm đến xẩm tối mới về, còn bà cụ ở nhà chuyên việc giồng dâu, chăn tằm, dệt cửi. Không thấy bà cụ nói có con gái, mà muốn hỏi thêm e bất tiện, Đặng sinh đành cúi chào bà cụ rồi đến thẳng cuối xóm tìm thương gia để thương lượng việc thuê trại.

Có lẽ thấy vẻ chàng khôi ngô tuấn tú rõ ra người hậu vận thành đạt lớn, thương gia ân cần mời chàng đến ở trại vừa đèn sách học hàng vừa trông nom giúp, không hề đòi tiền thuê.

\* \* \*

Đáng lẽ ngay hôm sau chàng cùng tiểu đồng dời kinh sư đến chôn ở mới, nhưng bị anh em đồng song giữ lại đến đêm xem đốt cây bông bên bờ sông, rồi thết tiệc tiễn biệt tại một quán treo đèn kết hoa rực rỡ nhất kinh đô. Tiệc tan, chàng say mềm phải vịn một người bạn mà về. Vừa ra khỏi quán chàng thoáng thấy tà áo màu thiên thanh lướt qua. Đúng là tà áo người con gái vườn dâu !

Chàng vội đứng thẳng người nhìn theo, tiếc thay vì quá say, đầu váng mắt hoa, chỉ lơ mơ nhận thấy bóng người con gái áo thiên thanh có quay lại nhìn chàng rồi lẩn vào đám đông.

Hôm sau Đặng cùng tiểu đồng đến trại phường Tiên Lập từ sớm. Cảnh trại bỏ hoang bấy lâu thực tiêu điều. Tường, hiên ẩm mốc ; hồ bán nguyệt trước sân, nước váng màu rêu với vài tàu sen tàn tạ. Quanh nhà những đào, những mai lá trút tơi bời. Giây bím từ các bờ dậu leo vương khắp ngả với những chùm hoa tím mới nở, còn bỡ ngỡ với nắng gió đầu xuân. Duy mấy cây mai trước cửa là bớt tiêu tụy vì đương mùa hoa nở, cây nào cây nấy trắng xoá đến đầu cành. Khoảng đầu hồi cánh tả trông ra bờ sông có nhiều loại hoa khác đang mọc chen nhau như tường vi, thạch lựu, hồng cắm, kim tiền ; chính giữa là một cây cao hơn cả, lá xanh biếc, hoa lốm đốm trắng như hoa ngâu. Đặng sinh vạch cảnh, rẽ lá tới nơi nhận ra đó là cây dạ lý lan, cành lá sum sê rũ sát đất. Đứng bên cây dạ lý lan, chàng nhìn thấy thửa vườn dâu bên kia xóm, nơi lần đầu tiên chàng gặp tà áo màu thiên thanh. Chàng tự hứa thầm, khi nơi ấy chốn ở đã yên tất, chàng sẽ gặp mỹ nhân bằng được.

Cùng tiểu đồng nỗ lực dọn dẹp đúng một ngày, chỗ ở mới tạm được quang đãng đôi chút.

Chàng thu xếp phòng học bên gian trái, trước mặt có cửa sổ nhìn ra hồ bán nguyệt.

Vừa chập tối hương dạ lý lan toả đến ngạt ngào. Đêm hôm đó, mở tập "Tình Sử" đọc đến mấy câu thơ đắc ý, chàng tưởng như hương dạ lý lan bốc lên từ những chữ quý giá đó, và chàng mơ đến một khuôn mặt mỹ nhân "nhân diện đào hoa tương ánh hồng".

Hai ngày sau Đặng sinh học khuya hơn. Trăng hạ tuần lên được một lát, chàng rời phòng học, đi quanh ra dãy hành lang giữa, bước xuống thềm.

Có cơn gió thổi mạnh. Mấy đóa hoa mai rụng xuống nền cỏ gần chỗ chàng đứng. Khi chàng cúi xuống nhặt một bông, chợt có tiếng đế nỉ non như ai oán đầu đây.

Lòng thơ lai láng, chàng trở về phòng lấy bút thảo mấy vần cổ phong, rồi cất tiếng ngâm, giọng trầm và buồn :

*Cành hoa lá lướt, chừ như tơ mong manh  
Trước sao óng chuốt, chừ giờ sao tan tành !  
Hoa rơi trên cỏ, chừ gió lốc làm xe  
Than khóc năm xưa, chừ tiếng đế bên hè.*

Cùng lúc giọng ngâm vừa dứt, một bóng người – mà là người con gái mặc áo thiên thanh - xuất hiện ngay trước cửa sổ.

Bốn mắt rán nhìn nhau không chớp.

Tiết xuân ẩm áp, ánh trăng muện màng nhưng tươi đẹp, người con gái xuất hiện tuy bất ngờ nhưng vẻ nàng diễm lệ hết như chàng đã tưởng tượng trong mấy ngày gần đây, bởi vậy chàng coi như nàng đã là người quen thuộc.

Nàng vẫn đứng yên đối diện, nét yêu kiều lồ lộ. Có lẽ nàng chỉ khẽ cử động là đã thành khúc múa nghệ thường rồi.

Chàng đứng dậy quờ tay ra khung cửa sổ . . . Nàng lùi về phía sau.

Chàng rảo bước đi quanh tới gian giữa . . . Nàng vùng chạy !

Và khi chàng ra tới ngoài, đứng vào chỗ nàng đứng, thì quanh thềm chỉ còn tiếng lá xao xác.

Bóng giai nhân hầu như tan thành ánh trăng quạnh quẽ đương giải trên vườn khuya. Chàng tiến mấy bước ra đầu hành lang : những cây hoa kim tiền, tường vi, thạch lựu, hồng cắm ngả nghiêng, mờ nhạt, lẫn lộn ; duy cây dạ lý lan cao vút thành một khối đậm vừa chững chạc, vừa uyển chuyển dưới làn gió nhẹ đẫm sương khuya. Mùi hoa dạ lý lan đồng thời thơm sức nức.

Đặng sinh bèn xuống thềm tiến về phía đó. Bốn bề vắng lặng, tịnh không có bóng ai ! Nhìn vào gốc dạ lý lan, chàng chỉ thấy cành cây bốn phía rũ xuống sum sê. Chàng đành quay về phòng ngồi lặng lẽ cho đến khi quá mệt ngủ gục trên bàn.

Ngày hôm sau Đặng sinh thơ thần cả buổi sáng bên cây dạ lý lan. Lắm lúc chàng thần người như muốn nhập điệu vào hồn cây mà tìm cho ra nguyên ủy việc mỹ nhân xuất hiện, khi định thần lại vẫn chỉ thấy cành lá xanh um, trắng điểm muôn đóa hoa ngà nhỏ xinh. Tịnh không một mùi hoa thoảng đến. Hồn hoa còn mãi vui tận chốn non bồng nước nhợc nào ! Nhân thấy



cành lá đặng Đông có phần rậm rạp, Đặng sinh tiến lại gần. Chàng chỉ thấy cành lớn cành nhỏ bị dàn bìm hoa tím đè trĩu xuống. Dây bìm còn lan xuống đất che kín một khoảng cỏ lớn nữa. Một vài cành gai khô vương vãi đó đây.

Buổi chiều, Đặng sinh thẳng đường vào xóm qua nhà bà cụ nghe có tiếng dật cửi, nhìn sang vườn dâu không có bóng ai. Tiếng dật cửi bỗng ngừng. Đặng sinh nhíu lông mày toan tiến lên, rồi không hiểu sao lại thôi. Chàng lẳng lặng quay về. Kể từ ngày đến kinh kỳ du học chàng đã được nghe kể biết bao chuyện lạ lùng.

Nào chuyện chàng lái buôn ở thiên trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) dan díu với một tuyệt sắc giai nhân tại một nơi lầu hồng gác tía. Tới khi vị đạo sĩ trao cho một tấm bùa thì, ôi ghê rợn, chàng thấy mình nằm dưới gốc cây ngọc lan gần nhà mồ trong có quàn chiếc áo quan bên trên đề mấy chữ : “Linh cữu của Lan nương”.

Nào chuyện chàng thư sinh ở phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam, đêm đêm ngồi học, thường có ba giai nhân đến chọc ghẹo tự xưng là họ Đào, họ Liễu, họ Lý. Chàng đã từng cùng với ba nàng hưởng niềm hoan lạc mười phần thoả mãn. Rồi một đêm kia cả ba nàng cùng đến khóc mà vĩnh biệt chàng. Đêm đó mưa to gió lớn, sấm sét rung chuyển gờn đất. Sớm hôm sau chàng thư sinh ra thăm vườn thấy dàn thiên lý, cây đào, cây liễu bị sét đánh bật gốc, hoa lá tươi bởi khắp vườn. Lúc đó chàng mới biết từ lâu mình đã làm bạn với những con tinh của cây hoa.

Còn biết bao nhiêu chuyện lạ lùng quái đản khác.

Đặng sinh nghĩ đến chuyện mình, nghĩ đến cây dạ lý lan cao vút, nghĩ đến hương dạ lý lan thơm ngát đưa vào phòng lúc chập tối . . .

Đêm hôm đó Đặng sinh cảm cúi đọc kinh “Xuân Thu” để khỏi suy nghĩ vẩn vơ . . .

Trăng lên muện . . .

Nhưng . . . khi trăng vừa nhô lên khỏi lùm cây phía trước, Đặng sinh bỗng dùng mình. Vì ánh trăng chênh chếch cùng lùa vào với làn gió mạnh làm tắt ngọn đèn dầu, đồng thời một bóng người in lên bàn, che khuất trang sách : Mỹ nhân xuất hiện !

Đặng sinh giữ được bình tĩnh ngay, từ từ ngược mắt. Mỹ nhân vẫn mặc áo thiên thanh, đăm đăm nhìn chàng, đôi mắt dịu hiền mà say sưa.

\* \* \*

Đặng sinh biết lắm, chàng chỉ khẽ làm dáng động đậy là mỹ nhân biến thành ánh trăng như đêm qua. Chàng lẳng lặng cúi xuống cố đẹp bản khoản, xao xuyến và nhận thấy đôi tay búp măng ngà ngọc của mỹ nhân vịn ở thành cửa. Chàng đưa tay nắm lấy. Mỹ nhân để yên. Lòng ngưỡng mộ dạt dào, chàng vô tình đứng dậy nhưng chưa kịp ngẩng đầu, mỹ nhân đã rút tay chạy ra phía hành lang chàng thấy như mỹ nhân vút về phía cây dạ lý lan.

Chàng rảo bước tới nơi, ngơ ngác nhìn quanh, chỉ thấy cành lá sum sê đưa đẩy theo chiều gió, xung quanh lặng ngắt.

Đêm hôm sau chàng rắp tâm ngồi chờ người đẹp.

Trăng muện đã nhô khỏi lùm cây. Âm thầm và cô đơn như chàng. Mỹ nhân không lại. Đặng sinh vẫn ngồi nguyên, tựa án thiu thiu. Tiếng gió đêm thoảng, hoa lá rụng nhiều khi khiến chàng thức giấc, tưởng đấy là hơi thở nhẹ, là bước chân lén của nàng. Hy vọng mỏng manh của đêm đợi chờ nhạt nhòa dưới ánh bình minh. Tia nắng vàng đầu tiên như xuyên thẳng vào trái tim Đặng sinh khiến chàng nhói buốt. Suốt ngày hôm đó chàng hết ngồi lại nằm, dáng thất thểu bơ phờ, rõ là người ốm tương tư. Nhưng, chiều đến khi hương dạ lý lan tỏa ngát trong phòng, chàng bắt đầu tỉnh táo.

Chàng nghĩ : đêm nay – đêm hai mươi - phải đầu giờ Tý trăng mới lên. Rồi ngồi chờ. Chàng cố mở quyển sách trước mặt làm vẻ chăm chú nhìn nhưng kỳ thực không đọc. Khoảng giữa giờ Hợi, chàng ngẩng nhìn ra ngoài. Bốn bề tối đen như mực ; một ngôi sao lấp lánh ở chính Đông

như thiên sứ báo tin vui. Chàng khêu lại bắc ở đĩa đèn dầu và khi vừa cúi nhìn trang sách, chàng cũng vừa giật mình trong hồi hộp, trong vui mừng vui sướng : đôi tay ngà đã thấy vịn trên bờ cửa sổ, cổ tay bị màu vải thiên thanh che lấp. Đặng sinh ngẩng nhìn với một dáng điệu quen thuộc và đầy vẻ trách móc. Mỹ nhân hầu như thấu hiểu nỗi lòng chàng nên cũng nhìn lại âu yếm thiết tha bội phần. Đặng sinh nắm lấy tay nàng sợ vùng biến mất, mà giữ chặt đôi tay mềm mại, thanh tú thì quả không nở nào.

Giọng chàng cất lên như êm như mơ :

-Nương tử có lòng hạ cố đến đây, xin đừng quản ngại. Tôi theo học đạo Nho, ngày ngày đọc sách thánh hiền, quyết giữ tình cho vằng vặc như trăng rằm sáng tỏ. Nương tử hãy đừng gót ngọc cho tôi đàm đạo đôi lời.

Rồi cầm lòng không đậu, chàng đứng dậy. Quả nhiên nàng rút vội tay, vùng chạy. Đặng sinh không quành theo lối giữa như mọi khi mà băng mình qua khuôn cửa sổ hẹp. Mỹ nhân thoắt theo lối mòn chạy về phía cây dạ lý lan. Chàng rượt theo nhanh như vùa mọc cánh. Tới nơi nhìn quanh, chàng thấy phía cành um tùm bên Đông như có tiếng động khả nghi.

Chàng định thần nhìn kỹ khoảng đó. Vẫn là những cành dạ lý lan chịu toả sát đất, với những cây bìm ngổ ngang. Tay chàng quờ phải một giầy bìm lớn, tiện thể kéo lại phía mình và nhận thấy cả khối bìm dưới đất cùng xô dịch với tiếng cọt xát của những cành lá gai khô. Chàng kéo mạnh thêm chút nữa, thấy hiện ra một miệng hố. Trái tim như ngừng đập chàng tưởng sắp được chứng kiến cảnh một con chồn thành tinh trắng toát đuôi xoè nhảy vọt từ dưới hố lên. Nhận thấy có gì thấp thoáng ở dưới, chàng kéo mạnh thêm. Cả miệng hố lộ ra sau cùng với một bóng người ở dưới. Chàng tiến lại. Tuy hố ngập đầy bóng cây chàng cũng nhận ra nàng. Nhìn bóng giai nhân luống cuống ở bên dưới, nỗi vui mừng của chàng không biết lấy chi so sánh cho cân. Nàng không phải là yêu tinh. Nàng là người thật ! Lần này quyết nàng không thể chạy thoát đi đâu được nữa . . . Chàng cúi xuống giơ tay cho nàng vịn rồi kéo lên.

Không ! Không ! Quả thực nàng không phải là ma. Chàng ôm vội lấy nàng trong vòng tay.

Vẻ vô cùng hốt hoảng, nàng lùi lại cố vùng hai tay ấn chàng ra xa và – Ôi ! lần đầu tiên từ ngày gặp gỡ, chàng được nghe tiếng nàng nói với chàng bằng một giọng nghẹn ngào xúc cảm :

-Xin chàng chớ quên lời nói ban nãy : chàng là người theo đạo Nho, ngày ngày đọc sách thánh hiền, lòng chàng đẹp như gương nga, cao quý như sen hồng.

Ngượng ngùng, Đặng sinh cố nén nỗi lòng bỗng bột chỉ khẽ nắm lấy tay nàng hỏi :

-Nàng phải chăng là người con gái tôi thoáng thấy bên vườn dâu bà cụ hàng xóm ?

Nàng gật đầu :

Chàng dắt nàng ra khỏi gốc cây dạ lý lan um tùm, hỏi tiếp :

-Nàng có phải là con gái bà cụ ?

Nàng lắc đầu :

-Vậy nàng từ đâu đến đây, vì sao lại ở nhà bà cụ ?

Tiếng nàng rất khẽ trong đêm khuya tĩnh mịch, Đặng sinh cố lắng tai nghe :

-Thiếp họ Lý, quê ở Đông Ngạn thuộc Kinh Bắc. Cha thiếp từng làm quan coi về hình án ở Khoái Châu rồi Hồng Châu

Đặng sinh nhớ ngay ra viên quan họ Lý bèn hỏi :

- Có phải phụ thân nàng về nhậm chức ở Hồng Châu vào đầu mùa thu năm Quý Dậu (1333)?

Nàng gật đầu.

Đặng sinh ôm chặt lấy hai cánh tay nàng, vẻ vô cùng thâm cảm :

-Thế thì chính phụ thân nàng đã giải tỏ hàm oan cho thân phụ tôi. Chính nhờ thân phụ nàng mà những người còn lại trong gia đình tôi khỏi phải vùi oan mạng trong ngục thất.

Đặng sinh yêu cầu nàng nói tiếp chuyện nàng.

Tiếng người con gái hiền thực làm bóng tối băng khuâng của vườn khuya bớt vẻ âm thầm mà thêm hương vị say sưa :

- Năm thiếp mười ba tuổi thì cha thiếp mất. Thiếp theo mẹ về Kinh Bắc ngụ tại quê nhà. Vì thiếp thông hiểu chữ nghĩa và âm luật, năm sau được tuyển vào cung theo hầu Hoàng Hậu. Mỗi khi



mở tiệc vui thiếp thường được Hoàng Hậu cho đến châu hầu. Thường khi gặp dịp vua lãng ngâm, thiếp ngầm giúp Hoàng Hậu ứng khẩu nối tiếp câu thần, vì vậy rất được Hoàng Hậu khen ngợi. Nguyên thiếp từng kể với Ngài thuở ấu thời có thầy số tiên đoán rằng đến năm mười sáu tuổi thiếp sẽ kết duyên cùng một bậc tài mạo phong tư rất mực, bước thanh vân sớm hiển đạt hơn người, Hoàng Hậu hứa khi thiếp đến tuổi đó sẽ cho về quê . . . Sang năm nay thiếp vừa đôi tám. Vào ngày thượng nguyên đức vua cùng Hoàng Hậu cho bày tiệc rồi thả thuyền chơi trên sông Nhị. Thuyền trôi dẫn xuống tận bến Đông Bộ Đầu. Lúc ngược về thiếp được lệnh cùng mấy cung nhân múa hát hầu bàn tiệc. Về khuya gió bỗng xoay chiều thổi mạnh. Sóng sông lớn, thuyền bỗng tròn trành, thiếp vô ý trượt chân tự mạn thuyền ngã xuống, bị nước cuốn băng không kịp cứu. Theo con nước thiếp giạt vào cụm lau gần bờ. May sao gặp được khúc sông đòng bồi nước nông, thiếp tuy loạng choạng mà cũng lên được bờ, rồi tìm vào một gia đình trong xóm. Thiếp không muốn trở lại nơi cung cấm, bèn nói thác với mọi người là nhân đầu năm, xuống tìm người nhà ở Đông Bộ Đầu không gặp, khi ngược thuyền về chẳng may bị ngã.

Thiếp phải ở nán lại nhà bà cụ mấy ngày, định sớm hôm sau sẽ tìm đường về Đông Ngạn quê nhà. Buổi chiều hôm đó, đứng nấp ở vườn dâu thấy chàng về đây, rồi dự định thuê trại vắng về này để dùi mài kinh sử, thiếp tự nhiên nảy ý lạ kỳ, bèn xin cụ bà cho ở lại vài ngày nữa, nói thác là để lên kinh sư dò tìm một người thân khác mà hiện nay chưa biết ở phường nào. Rồi ngay chiều hôm ấy thiếp lần sang trại này. Thiếp để ý đến cây dạ lý lan xanh tốt. Thiếp nhận thấy dưới khoảng cành lá um tùm nhất của cây dạ lý lan có cái hố sâu. Y hẵn là hố mà trước đây gia nhân quan thị lang họ Phùng đào để đánh bẫy giống cáo hay vào trại để bắt gà. Thiếp bèn kéo giây bìm cùng ít cành cây khô lấp kín mặt hố. Ngay đêm hôm đó thiếp lần theo dân chúng đến kinh sư xem hội hoa đăng và gặp chàng cùng các bạn đồng song ở quán rượu. Rồi chàng cùng tiểu đồng dọn đến trại này. Hai hôm sau thiếp cố ý xuất hiện bất ngờ, như một hồ ly tinh trước cửa sổ phòng học, để trêu chàng.

Đặng sinh ngắt lời :

-Ngộ tôi đूर्ỏi kịp, bắt được nàng thì sao ?

Nàng đáp :

-Thiếp nghĩ trong khi chàng phải chạy quanh lối cửa giữa, thì thiếp đã kịp chạy tới gốc dạ lý lan để ẩn mình dưới hố kín.

Đặng sinh nói :

-Ngay sớm hôm sau buổi gặp gỡ bên cửa sổ, tôi có lần vào trong xóm.

-Thiếp biết chàng có đến !

-Lúc đó trong nhà có tiếng dật cử.

-Chính thiếp đương dật cử giúp bà cụ. Thoáng thấy chàng, thiếp ngừng vội để lần vào buồng.

-Sao quý nương lại làm vậy ?

-Thiếp cũng không hiểu.

-Vì sao nàng lại có ý đêm đêm xuất hiện bất ngờ trước phòng tôi ?

Mỹ nhân cúi xuống không đáp.

Chàng khẩn khoản thiết tha hỏi đi hỏi lại nhiều lần, mãi sau nàng đành chịu thổ lộ :

-Thiếp vẫn không quên lời thầy số tiên đoán, nên khi gặp chàng lần đầu được trông ngắm dung nhan ngọc bội, thiếp tự thấy như duyên trời đưa lại để thiếp không còn là bông hoa vô chủ nữa. Ngặt vì thân gái, lẽ đâu thiếp dám tỏ tình với chàng. Tâm linh sai khiến thiếp tìm cách xuất hiện như hồn hoa, như hồ ly, những mong sự gần gũi đó mà tiền duyên sáng tỏ, biết đâu chẳng có dịp khăng khít giải đồng.

Đặng sinh nghĩ thầm : Ta vẫn nghe con gái Kinh Bắc có tiếng là đẹp, đa tình và thông minh, nay mới được gặp thật quả như lời.

Ngay lúc đó trăng hạ tuần vừa nhô khỏi lùm cây, long lanh như gương bạc.

Chàng cúi xuống, thiết tha nói bên tai nàng :

-Đôi ta không mới lái mà gặp nhau, quả thực duyên trời. Ngay từ khi mới thoáng thấy áo thiên

thanh, lòng tôi đã nặng u hoài. Sau này tôi quyết tìm người mối lái để cùng nàng kết duyên cầm sắt đến già. Giờ đây bướm đã gặp xuân xin nàng chớ ngại chút tình keo sơn gắn bó.

Nói đoạn, chàng vừa định ôm lấy người đẹp thì nàng vội quỳ xuống, mặt hoa đầm lệ mà rằng :  
-Được đấng quân tử thương đến hoa hèn, có khác chi chốn thâm u cùng cốc được ánh xuân quang soi tới, nhưng thiết nghĩ từ xưa thiếp vẫn phòng thu khoá kín, nhụy thắm còn phong, say này quả được chàng đoái thương đón thiếp theo nghi lễ, thì đạo tòng phu thiếp há chẳng thẹn cùng chàng trong đêm đuốc hoa hay sao ?

Sinh nghe lời hoa ý gắm bèn buông tay để nàng về. Sớm sau chàng sang xóm cũ tìm người yêu và khuyên nàng trở lại cung thất kể sự tình với đức Vua cùng Hoàng Hậu rồi xin về quê. Như vậy sẽ không lo mắc tội khi quân sau này.

Nàng vâng lời. Cả hai cúi đầu tạ ơn bà cụ rồi thẳng đường lên kinh sư.

Ngày hôm sau người con gái họ Lý gặp được đức Vua và Hoàng Hậu. Nàng tái lại chuyện ngã xuống sông, may giạt vào bờ lau, rồi lên nương nhờ tại một gia đình phường Tiên Lập và gặp gỡ Đặng sinh. Nàng cúi xin đức Vua cùng Hoàng Hậu cho về Kinh Bắc thăm mẹ rồi cùng Đặng sinh kết tóc se tơ. . .

Thấy cặp tình nhân ngộ nghĩnh đáng yêu, Vua cùng Hoàng Hậu định, rồi cho lệnh nàng cùng nhân họ Lý về Kinh Bắc, Đặng về Trường An, cả hai cùng đón mẹ lên kinh sư. Hoàng Hậu sẽ làm chủ hôn lễ.

Đúng ngày cưới, đức Vua ban cho hai vợ chồng một đôi chiếu dát trúc, mười hũ rượu hạt hạnh cùng trăm cây bạch lạp để làm lễ tơ hồng.

Tuy son phấn tình nồng mà bút nghiên không hề lãng chí, hai năm sau chàng trai họ Đặng đỗ Thái học sinh. Lập tức chàng được nhà Vua cho phụng nhậm chức Đông-lộ yên-phủ-sứ ngay tại kinh sư.

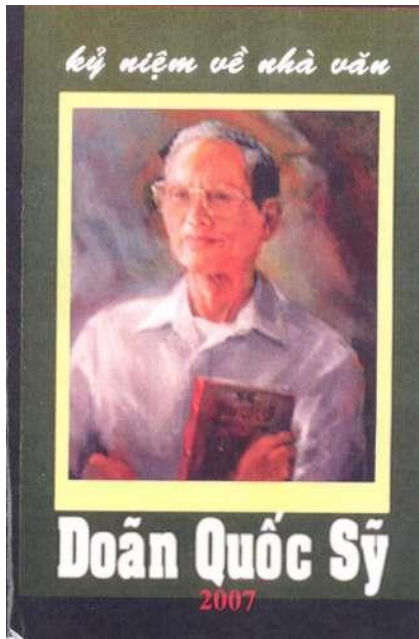
Quan Đông lộ bèn điều đình với người thương gia ở phường Tiên Lập mua lại căn trại cũ.

Những khi việc quan nhàn rỗi, quan Đông lộ thường cùng phu nhân về đó xướng hoạ để ca ngợi những cảnh mây chiều, gió sớm, trúc biếc, hoa vàng. Những bài thơ như vậy nhiều lắm không sao kể xiết. Để kỷ niệm cuộc hạnh ngộ xưa, quan Đông lộ thường gọi đùa phu nhân họ Lý là Dạ Lý Lan phu nhân. Chẳng bao lâu thành tên thật.

Ngày Đinh Hợi tiết trọng xuân, năm Mậu Tý (1348) Dạ Lý Lan phu nhân mặc áo thiên thanh đến chùa Tháp Bảo Thiên dâng hương lễ Phật. Trước cảnh nắng mới chan hoà, mờ hôi làm thắm màu áo, nhìn cánh bướm chập chờn như say hương xuân muộn, phu nhân bỗng thấy sầu xuân nặng trĩu, tự nghĩ : “Bốn mùa thay đổi khiến giang sơn như viên ngọc bích họ Hoà muôn màu kỳ diệu, lẽ nào cứ để hồn thơ của chồng ta bị giam lỏng mãi trong áng lợi danh, mà phụ tình với bao nước tú non kỳ ?!”

Ngày năm đó, quan Đông lộ dâng sớ xin Vua cho được từ quan, rồi cùng phu nhân dùng mái chèo thẳng về thăm quê nhà, trước khi đi du ngoạn khắp các danh lam thắng cảnh, mở hồn thơ vô tận hoà với sông biển mênh mông hay với gió núi trắng ngàn.

**Đoãn Quốc Sĩ một tâm hồn thanh thản, đôn hậu, cao thượng.  
Nguyễn Văn Quảng Ngãi**



Một thoáng hương xưa: Ôi, dòng sông, cánh đồng năm ngàn năm của chúng ta, mệnh mông thanh thân dưới mắt nhân loại kẻ nào mà làm hoen ố nổi  
Thuở xưa, ngót bốn mươi năm rồi, trong Tiền Kiếp của Gìn Vàng Giữ Ngọc, Doãn Quốc Sỹ đã mạnh dạn, tự hào viết như vậy.

Gìn Vàng Giữ Ngọc. Sao mà cái tên của tác phẩm đẹp đến vô cùng! Không ít người đã quên khuấy đi mất cái nguồn gốc từ truyện Kiều: Gìn vàng giữ ngọc cho hay. Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời mà Kim Trọng đã ân cần dặn dò Thúy Kiều trước khi giã biệt về nhà hộ tang chú. Nhất định cụ Nguyễn Du chẳng những đã không trách họ Doãn mà còn vui mừng khi thấy hậu thế đã biết khéo léo dùng lại ngôn ngữ của mình để khuyên nhủ thế nhân.  
Còn nữa, Doãn Quốc Sỹ còn nhiều tác phẩm mà tên gọi vừa đẹp, vừa ý nghĩa như: Dòng Sông Định Mệnh, Ba Sinh Hương Lửa, Trái Cây Đau Khổ...

Cùng với Lữ Bước Sang Ngang của Nguyễn Bính, Ngàn Năm Một Thuở của Hồ Hữu Tường, Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân... đó là những tác phẩm có tên gọi hay nhất, đã trở thành những điển tích mà nhiều người hay mượn tiêu đề để trích dẫn nhiều hơn là nội dung của tác phẩm...

Nhưng khi nói đến Doãn Quốc Sỹ là nhiều người nói đến Dòng Sông Định Mệnh, tác phẩm đã gây xúc động trong lòng rất nhiều người từ năm 1959.

Tôi đã yêu Dòng Sông Định Mệnh từ đó, thuở mà tâm hồn còn xanh tươi, bầu nhiệt huyết còn đầy ắp. Mãi đến ngày nay, đôi khi nhắm mắt ôn lại một thoáng hương xưa thân yêu đó, tôi vẫn còn tìm lại được nguyên vẹn cái cảm giác đầy rung động, thích thú khi đọc Dòng Sông Định Mệnh: Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung Có ai đàn lẻ để tơ chùng Có ai tiễn biệt nơi xa ấy Xui bước chân đây cũng ngại ngừng.

Dòng sông gọi cho chúng ta nhiều cảm giác, lắm suy tư: khi nỉ non tâm sự, lúc ôm ấp hiền hoà, khi giông tố ba đào, lúc trầm tư mặc tưởng. Dòng sông còn gọi cho chúng ta biết bao là kỷ niệm mà bụi thời gian đã phủ mờ theo năm tháng:

Con nước ấy đã bao lần sóng vỗ Chút tàn phai đọng lại dưới chân cầu (Hà Nguyên Thạch)  
Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu (Hoài Khanh)

Nhưng có ai chặn đứng được thời gian nên phương Đông đã tra vấn nước sông: Chảy mãi như thế này ư chẳng kể ngày đêm?

Và có ai tìm lại được những ngày xưa thân ái nên phương Tây đã than thở: Người ta không thể tắm hai lần trên một dòng sông.

...Với Doãn Quốc Sỹ thì khác!

Dù thời gian có hững hờ trôi như nước chảy qua cầu, dù cuộc đời có gây nhiều đau thương, tang tóc cho nhân thế, dù cuộc thế có đầy rẫy lọc lừa phản trắc, dù cầu Hiền Lương qua sông Bến Hải thuở đó như là một vết thương còn rướm máu mà Định Mệnh vừa mới tàn nhẫn chia cắt đất nước thân yêu... Doãn Quốc Sỹ vẫn một lòng tự hào tin tưởng: "Cánh đồng và dòng sông năm ngàn năm của chúng ta kể nào mà làm hoen ố nổi".

XUÔI DÒNG THỜI GIAN: Là độc giả thường xuyên của Bách Khoa, tờ báo có tuổi thọ cao nhất và thành công nhất ở miền Nam trước 1975, ngoài những bài vở giá trị về nhiều phương diện, có một dạo tôi rất thích thú với những bài phỏng vấn tài tình Sống Và Viết Vời... của Nguyễn Ngu Í. Bài viết về Doãn Quốc Sỹ là bài xuất sắc nhất - theo tôi - trong loạt những bài phỏng vấn này và sau được Nguyễn Ngu Í cho in thành sách với tên gọi như trên (Ngày Xanh xuất bản 1966). Ngoài những chi tiết liên quan đến Sống Và Viết... của Doãn Quốc Sỹ, điều mà cho mãi tới ngày nay vẫn còn ghi đậm trong tôi là bức hình chớp toàn gia đình của ông. Bà Doãn Quốc Sỹ với nét dịu hiền thanh tú của một mệnh phụ Việt Nam (bà là con nhà thơ Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu) cùng ông và rất đông con (đông thật!) mà cô nào cậu nấy đều tươi cười, xinh xắn. Đặc biệt là những đôi mắt: tất cả đều tròn xoe, trong sáng!...

Đọc sách của ông, cảm được tấm lòng đôn hậu và nhân ái của ông, hiểu được tình yêu dân tộc Việt Nam tha thiết của ông, thấy được niềm tin bao la và sâu sắc của ông về chân-thiên-n-mỹ cho nhân thế, biết được cuộc sống của ông: dạy học (Trung và Đại Học), viết văn, chủ trương nhà xuất bản Sáng Tạo, xem hình cả gia đình ông... đã cho tôi đi đến kết luận: Đó là mẫu người lý tưởng cho một xã hội Việt Nam lý tưởng!

Trên đây là tất cả những điều tôi biết về Doãn Quốc Sỹ trước năm 1975.

Trong 9 năm tù ngục có thời gian dài tôi ở nhà giam Kim Sơn và Nước Nhóc (K18) thuộc tỉnh Nghĩa Bình (Quảng Ngãi và Bình Định sát nhập) và cùng làm chung một bộ phận lao động với một nhà nho ẩn danh. Anh làm thơ rất hay, có kiến thức về Hán văn rất rộng và đặc biệt là biết rất nhiều về những nhà văn, nhà thơ ở miền Nam. Theo anh thì nhân loại đã và đang bị lún sâu vào cuộc chiến tranh lạnh tranh chấp giữa hai khối (dạo đó).

Nếu những tác phẩm của ông Doãn được dịch ra Anh hoặc Pháp văn để loài người đọc và suy gẫm về cái tâm của ông cho tình yêu (gia đình, bằng hữu, quê hương, nhân loại), về tấm lòng cương quyết và tin tưởng hướng đến chân-thiên-n-mỹ của ông... thì những điều đó sẽ có ảnh hưởng sâu đậm và Doãn Quốc Sỹ xứng đáng nhận giải thưởng Nobel về văn chương. Chúng tôi cũng bàn đến những tác phẩm và văn tài của Võ Phiến, nhà văn Bình Định chòm xóm gần gũi từ thuở Mùa Lúa Mới mà chúng tôi rất quý kính để có cùng chung một kết luận: Doãn Quốc Sỹ và Võ Phiến là hai nhà văn tiêu biểu ở miền Nam về văn tài, về lập trường Quốc Gia - Dân Tộc và về tư cách và đạo đức.

Sau vài chuyến vượt biển thất bại, bị bắt, vượt ngục, cuối cùng tôi đến được trại tị nạn Galang ở Nam Dương năm 1985. Một hôm tôi đang ngồi tại văn phòng Trung Tâm Thiếu Nhi Không Có Thân Nhân (Unaccompanied Minors Center) thì anh bạn Chủ Tịch Ban Đại Diện Cộng Đồng đưa một thanh niên đến thăm và giới thiệu:

- Đây là trưởng nam của nhà văn Doãn Quốc Sỹ đang dạy level C (trình độ cao nhất của ESL).
- Có phải em đang cho đăng truyện của bố trên tờ Tự Do không? (Tự Do là tờ báo Việt Ngữ

của trại).

- Sao anh biết?

- Trước kia ai đã đọc nhiều sách của bố thì, dù bố có ký dưới bút hiệu nào đi nữa, khi đọc truyện người ta sẽ nhận ngay ra văn phong của bố... Tôi cố nhớ lại tấm hình chớp toàn gia đình của Doãn Quốc Sỹ trên Bách Khoa thuở trước để đối chiếu với anh bạn thanh niên trắng trẻo, đẹp trai, ăn nói nhỏ nhẹ, lễ phép này.

Vài tháng sau đó, một buổi sáng, anh ăn mặc chỉnh tề, vai đeo chiếc xách nhỏ vội vàng ghé lại thăm tôi trước khi lên đường sang Úc định cư. Việc này đã thực sự làm tôi cảm động vì ai đã từng ở trại tị nạn đều biết là ngày cuối cùng vô cùng bận rộn và vội vàng: nào phải lo hoàn tất những thủ tục cần thiết bắt buộc của Cao Ủy tị nạn, của cơ quan IOM, nào phải lo soát xét lại hành trang cá nhân, nào kẻ còn ở lại nhờ nhắn tin, gửi thư, nào bằng hữu đưa tiễn... nên nhìn một chút thì giờ tạt lại thăm nhau quả thật là đặc biệt quý giá!

Mãi đến năm 1996 tôi mới có duyên gặp tác giả Dòng Sông Định Mệnh khi cả hai chúng tôi được Cộng Đồng Việt Nam tại Wichita - Kansas mời nói chuyện trong dịp lễ kỷ niệm 30 tháng 4. Anh bạn Lê Hồng Long, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí Thế Giới Ngày Nay đã dành cho chúng tôi sự tiếp đãi ân cần, chu đáo khó kiếm. Chúng tôi mỗi người ở một phòng riêng với đầy đủ tiện nghi tại nhà anh. (Hoàn toàn trong tình văn nghệ chứ anh không có trách nhiệm gì trong cộng đồng hay trong ban tổ chức ngày lễ). Sau những phút xã giao ngắn ngủi chúng tôi dễ dàng trở nên tương đắc khi tâm sự..

Vâng, tôi đang đối diện với tác giả Dòng Sông Định Mệnh. Dù đã qua tuổi cổ lai hy, với nhiều năm dài trong tù ngục nhưng anh vẫn còn mạnh khỏe từ thể xác đến tinh thần. Dáng cao, gầy, nước da ngăm đen, khuôn mặt chữ điền. Đôi mắt sáng, vừa hiền hòa vừa cương quyết. Nụ cười cởi mở, bao dung. Nói chuyện với anh tôi có cảm tưởng như mình đang hầu chuyện với một bậc thiền sư vì anh lắng nghe từng chi tiết nhỏ, anh tâm tình chậm rãi, khoan dung trong tinh thần hồn nhiên, phá chấp...

Đề tài anh nói chuyện với Cộng Đồng là: Đời Sống Văn Nghệ Sĩ Trong Lao Tù Cộng Sản. Anh nói nhỏ nhẹ như đang chia sẻ với bằng hữu thân giao. Anh kể một vài mẫu chuyện thoạt nghe tưởng như chẳng có gì đáng nói nhưng gẫm lại thì rất chí lý. Bởi vì anh nói bằng cả con tim của anh. Do đó phải nghe anh bằng cả tâm hồn mình mới tâm đắc được hết tâm sự anh muốn giải bày. Nhà văn Võ Đình đã rất chí lý khi viết về Doãn Quốc Sỹ trong ngục tù: ...Ngày nay, dẫu có đắng cay khổ nhục mấy đi nữa, ông vẫn còn nhìn với đôi mắt thương hại những công tố viên đang xía xối ông, những cán bộ chấp pháp đang truy vấn ông, những cai tù đang kèm giữ ông. Và như vậy ông mới có "Tự Do", cái tự do ông trả với tất cả đau đớn ê chề cả thể xác lẫn tinh thần. Trái tim ông vẫn không suy suyễn. Bạo lực có thể uy hiếp ông. Nhưng bạo lực không cách gì đập nát trái tim ông và đặt vào đó lò lửa căm thù. Ông chỉ căm thù bạo lực, ông không thể căm thù con người, dù đó là con người dùng bạo lực để hành hạ ông...

Vâng, chìa khóa của kiếp nhân sinh là cái "Tâm". Các vấn nạn trên thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng chỉ có thể giải quyết bằng cái "Tâm"...

Ba ngày tại Wichita - với lòng hiếu khách đặc biệt của anh Lê Hồng Long và gia đình - chúng tôi đã tạo được sự cảm thông quý giá và tôi thật sự vinh hạnh được anh xem như bạn hiền. Từ đó, mỗi lần biên thư cho tôi anh thường nhắc đến nhà báo họ Lê và mong có ngày gặp lại nhau ở thành phố Wichita nhỏ bé xa xôi nhưng thấm tình đồng hương của tiểu bang Kansas.

Tháng 4 năm 1999 anh Doãn Quốc Sỹ và tôi lại có dịp gặp nhau tại thành phố Dallas, Texas khi chúng tôi cùng được mời sung vào ban Giám Khảo cuộc thi truyện ngắn năm 1998 do hai tờ tuần báo Việt Nam Weekly News và Người Việt Dallas tổ chức. Một chi tiết nhỏ chứng tỏ tấm lòng luôn luôn vì văn hóa dân tộc của anh. Thoạt đầu quý anh Trần Lộc, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tuần báo Vietnam Weekly News và anh Thái Hóa Lộc, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tuần báo

Người Việt Dallas mời hai người địa phương là anh Đàm Trung Pháp, Giáo sư ngôn ngữ học tại Đại học ở Dallas và tôi sung vào ban Giám khảo Tự biết mình chỉ viết lách một cách tài tử, nhưng, để khích lệ việc làm ý nghĩa này và tạo dễ dàng cho ban tổ chức, chúng tôi đã vui vẻ nhận lời Khi thấy số người gửi bài tham dự cuộc thi khá đông (gần 100 người từ nhiều tiểu bang tại Hoa Kỳ và từ một vài nước khác), để tăng giá trị cho cuộc thi và vinh dự cho những người trúng giải, vào giờ chót, hai anh đã nhờ tôi mời anh Doãn Quốc Sỹ vào ban Giám khảo.

Dù biết mời khá muộn là chuyện không phải nhưng tôi vẫn viết thư trình bày chi tiết gửi đến anh kèm theo bản sao của 31 truyện dự thi đã được ban tổ chức chọn vào chung khảo Anh đã chăm từng truyện cẩn thận, cho điểm, ghi chú và gửi trả lại ban tổ chức trước cả anh Đàm Trung Pháp và tôi Và anh đã về Dallas tham dự lễ phát giải thưởng. Anh Đàm Trung Pháp, dù rất bận rộn với Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương của Cộng Đồng, vẫn đưa chị Pháp đến thăm thầy (Giáo sư Pháp vốn là học sinh cũ của anh Doãn Quốc Sỹ). Hành động ấy, mấy lời thăm hỏi nhẹ nhàng, ngán ngùi ấy đã nói lên cái "tình thầy trò" đậm đà cao quý của nền văn hóa Việt Nam đầy nhân nghĩa, thủy chung khó tìm được ở xứ này! Đạo đó tôi vừa nhận cuốn hồi ký Việt Nam, Một Thế Kỷ Qua do tác giả, Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, gửi tã.ng. Trong sách có đoạn nói đến nhà thơ Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu... chất phát, hiền hậu, khiêm tốn, ít nói về mình và đặc biệt là luôn luôn đi xe đạp một cách chậm chạp, từ tốn như đi dạo mát...

Anh Doãn Quốc Sỹ rất cảm động khi đọc đoạn này cùng một số nhận xét đặc biệt nữa về nhạc phụ mình và chép ngay tại chỗ tặng tôi bài thơ của cụ Hồ Trọng Hiếu "Tú Mỡ đi xe bình bịch": Tú rững mỡ cưỡi xe bình bịch Máy nổ vang sinh sịch chạy như bay Bóp còi toe như quát tháo giương vây Khách đường cái vội răn ngay tằm tấp Tú nhớ thuở còn đi xe đạp Một thứ xe chậm chạp hiền lành Trên đường dù chuông bấm liên thanh Khách đứng đĩnh làm thỉnh không chịu tránh ...Ồ ngán nhĩ ở trên cỡi tực.

Con người ta bắt đợc bắt anh hùng - Phần phát biểu trong buổi lễ phát giải anh nói về đề tài như một nhắn gởi tha thiết, nhẹ nhàng đến tất cả mọi người hãy cố gắng duy trì tiếng Việt ở miền đất mới Anh đọc lại bài thơ Ông Đồ Già nổi tiếng của Vũ Đình Liên (thầy cũ của anh ở Hà Nội thuở xa xưa) và một nỗi buồn thấm thía gợn lên trong lòng mọi người về một viễn ảnh suy thoái, tàn lụi của tiếng Việt trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại:

... Nhưng mỗi năm mỗi vắng Người thuê viết nay đâu Giấy đỏ buồn không thấm Mực đọng trong nghiên sầu

Ông Đồ vẫn ngồi đấy Qua đường không ai hay Lá vàng rơi i trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay Anh cũng đọc thơ của hai người bạn thân trong nhóm "Sáng Tạo". Một đã ra đi là nhà văn Mai Thảo: Thế giới có triệu điều không hiểu Càng hiểu không ra lúc cuối đời Chẳng sao khi đã nằm trong đất Đợc ở sao Trời sẽ hiểu thôi

Bốn câu thơ này Mai Thảo làm như là một linh tính báo trước ngày ra đi của mình và đã đợc khắc trên bia mộ của Mai Thảo ở Nam Cali Một còn sống là nhà văn Nguyễn Sỹ Tế: Đĩnh Trời gió quét mây tan tạt Trăng lười liềm ngơ ngác lạnh căm Trăng sao giọt lệ u trầm Trăng sao quá đổi âm thầm hỡi trăng?

Bốn câu thơ này anh dịch từ một bài thơ trong tập thơ bằng tiếng Pháp của Nguyễn Sỹ Tế kể lại thời gian hai người cùng ở trại giam Gia Trung. (Hai anh Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Trần Lộc và Thái Hóa Lộc cùng nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp rất đáng đợc tuyên dương vì đã tổ chức rất chu đáo và thành công cuộc thi truyện ngắn 1998!)

PHỤ TRANG: Hòa trong nỗi đau khổ chung của cả dân tộc sau biến cố kinh hoàng 30-4-1975, anh Doãn Quốc Sỹ đã phải vào tù hai lần trước sau hơn 12 năm. Khổ đau từ thể xác đến tinh thần của các tù nhân do bạo quyền gây nên chữ nghĩa tràn gian đầu đủ viết cho hết, tả cho tròn! Nhưng khổ đau không thay đổi đợc anh vì anh đã viết, từ 1965, trong Người Việt đáng

yêu: "... Không có sự trưởng thành đáng kính nào bằng sự trưởng thành trong đau khổ... khổ đau là một sự thiêng liêng ở trên thế gian này... Dân tộc Việt Nam phải là một sự thiêng liêng đối với nhân loại..."

Thuở xưa anh đã ân cần khuyên nhủ mọi người: "Hãy quay trở về với chính mình, vun xới tâm hồn mình là chúc lộc danh dự cho dân tộc, là gieo hươ ng hạnh phúc cho nhân loại". (Tiền kiếp)

Và anh tha thiết ước ao: "Niềm ao ước vĩnh cửu của tâm hồn nhân loại, và cũng là sự thực vĩnh cửu của vũ trụ là: bao giờ cuối cùng "thiên cũng thắng ác".

Khổ đau, bạo lực chẳng những không làm anh căm thù mà - như một sự thiêng liêng - đã làm tâm hồn anh dịu lại Trong truyện ngắn Người vái tứ phương, một mặt anh diễn tả thật đầy đủ xã hội miền Nam sau bảy năm bị đọa đày bằng những từ ngữ nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, mặt khác anh vẫn tiếp tục ân cần khuyên nhủ mọi người: "Cuộc sống đầy rẫy những khác biệt và đụng chạm. Hãy cảm thông và bao dung những vui buồn phải trái của nhau... Cuộc đời tự nó đã quá nhiều phức tạp, sầu khổ, còn gây thêm sầu khổ cho nhau mà làm gì!".

Nơi gương người xưa đem đại nghĩa để thắng hung tàn. Lấy chí nhân mà thay cường bạo nên Giáo sư Hoàn, dù tốt nghiệp tiến sĩ sinh vật học tại Hoa Kỳ đã không được tiếp tục dạy lại tại Đại học Khoa học, vẫn đầy lòng từ tâm thánh thiện đã bình thản, không có một lời nói hay cử chỉ thất thổ nào khi đối diện với viên trung tá công an hạ trác đòi mình đến trình diện: "Tôi rất mực điềm đạm thùy mị trả lời... Tôi trả lời như thể tự ngàn xưa vốn dĩ tôi như thế và cho tới ngàn sau tôi không thể khác hơn..."

Và giáo sư Hoàn đã chinh phục, cảm hóa được viên trung tá này Một ghi nhận nhỏ là thuở xưa có rất ít người xấu, việc xấu trong các tác phẩm của anh nên nhà văn Võ Phiến đã viết: "Hầu hết các nhân vật tiểu thuyết của Doãn Quốc Sỹ đều tốt ... Họ hoàn hảo mới có một nhân vật xấu..." (Văn Học Miền Nam - Truyện I) và đã dí dỏm một cách khéo léo: "Đọc sách ông thơm tho cả tâm hồn". (Văn Học Miền Nam Tổng Quan). Nhưng trong Người vái tứ phương, anh đã viết: Trong cõi tương đối này chúng ta há chẳng thấy thường khi cái đúng và cái sai chỉ là đường tơ kẻ tóc, hoặc giả chính vì cái sai này mà cái đúng kia hiển hiện. Thực ra trên dòng biến dịch không ngừng nghỉ của vạn hữu, cái sai cũng màu nhiệm như cái đúng...

Kiếp nhân sinh là như vậy đó: Cái tốt nương tựa cái xấu, nỗi buồn gắn bó với niềm vui, khổ đau quyện theo hạnh phúc.

Rồi anh tiếp tục ân cần khuyên nhủ mọi người:

"...Thế giới này là nơi cộng đồng trách nhiệm. Khi cái đẹp, cái thiện đã được khơi nguồn, thấp sáng, người ta dễ bề mở rộng cái tôi cá biệt đi vào cái ta hoà đồng..."

...Bất kỳ hành động thiện, hành động đẹp nào của bất kỳ ai đều có khả năng màu nhiệm bảo vệ giá trị sản nghiệp tinh thần của cả nhân loại...

... Khi nhân tính vượt vai thức giấc, mọi chủ nghĩa, đảng phái không thành vấn đề...."

Cuối thu năm ngoái, ở tuổi 75, trong một lá thư gửi cho tôi anh đã viết: "...Nhà tôi ở hiện giờ còn giữ nguyên màu xanh ngút ngàn của thiên nhiên: đó là những rừng oak và thông đẹp tuyệt vời Sáng sáng tôi cùng bà xã đi bộ độ nửa giờ, sau đó tôi đạp thêm 1 giờ bằng chiếc xe đạp được một anh học trò cũ tã.ng. Vì vậy sức khoẻ giữ đều không ốm đau vặt như thường thấy khi tới tuổi cổ lai hi của tôi..."

Trong tất cả những tác phẩm của anh - từ tập trường thiên qui mô và quan trọng nhất là Khóm Rừng Lau đến những truyện cổ, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài hoặc khảo luận, tùy bút - tình thương ng bàng bạc khắp cùng: Anh đã gánh trọn cái trách nhiệm luân lý nặng nề. Ngày nay, ở tuổi hoàng hôn của cuộc đời, ước mong từ miền Houston sầm uất đó, anh hưởng được đầy đủ cái hương nhân loại lâng lâng tỏa ra từ bốn phương tám hướng mà anh đã ước mơ vào một chiều bên hồ Lạc Thiện vùng Ban Mê Thuộc thuở xa xưa trong Gìn Vàng Giữ Ngọc.

Đã có rất nhiều người viết về Doãn Quốc Sỹ. Từ những vị có đầy đủ uy tín và tuổi tác trong văn giới đến những độc giả đã từng mến mộ anh và văn chương anh đã ảnh hưởng nhiều đến đời sống tinh thần của họ.. Những bài viết, nhận xét thật đầy đủ, thật chi tiết. Do đó xin được gọi những dòng tâm tình này là "Một Phụ Trang" để bày tỏ lòng quý kính của tôi đối với một nhà văn hàng đầu tôi được biết qua nhiều tác phẩm và, do một duyên lành, được quen thân qua những dịp tâm tình tương đắc. Đã gọi là phụ trang - mà là một phụ trang tâm tình - thì không thể viết dài (Mà nếu muốn viết nữa thì cũng vẫn không thể nói hết những điều mình muốn viết). Để chấm dứt bài viết tôi xin chép lại đây cảm tưởng của nhà văn Đỗ Thiên Như về lần đầu tiên cô được gặp gỡ tác giả mà cô đã ngưỡng mộ và xem như là thần tượng từ vài thập niên qua và còn giữ mãi cho tới ngày nay tại thành phố Seattle tháng 6 năm 1995:

"... Doãn Quốc Sỹ ngồi đó, và ông đúng như hình ảnh tôi tưởng tượng buổi thiếu thời Dáng người dong dong, gầy, khuôn mặt nhân hậu và trí thức. Hình như bao năm cơ cực tù đầy cũng không xóa mất nụ cười khoan hòa và nhân ái, cái nhân ái bàng bạc trong văn chương ông. Những dòng văn chương diễn tả được cái đẹp vô cùng nhân bản và tình người... Ông hỏi tôi có học với ông không? Tôi thưa là tôi học ở Huế, không được học với thầy nhưng văn chương của thầy đã dạy con biết mơ mộng và tư duy từ thuở hoa niên cho mãi đến bây giờ... Chỉ trong mấy giây với Doãn Quốc Sỹ tôi tưởng như được trở về với ngày xưa có sắc hương thâm kín lạ là...

Tôi sống thật đầy, thật đẹp với vàng trăng của Doãn Quốc Sỹ. Đã qua rồi những mùa trăng trằm thống nhưng hồn tôi vẫn giữ mãi vàng trăng mười sáu nguyên vẹn của ông... Hình như thời gian đang ngừng lại, tôi đang đi trên lối xưa đầy diễm ảo và tôi đã được gặp một nhà văn biểu tượng cho tình yêu, sĩ khí và bất khuất của nhiều thế hệ.. Hạnh phúc thay!".